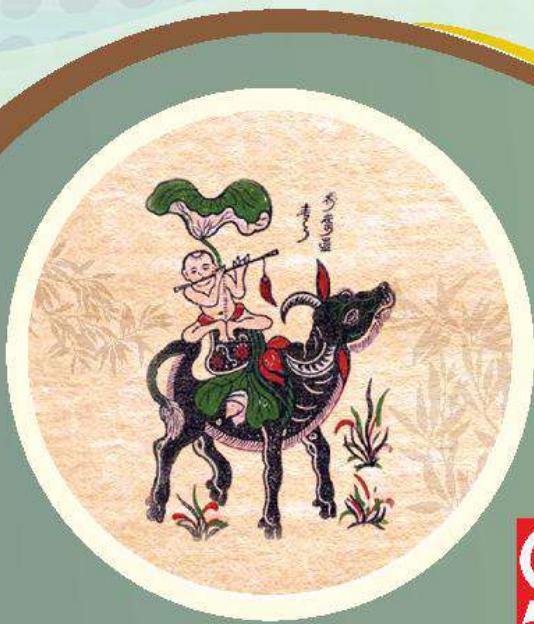




BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN**  
**MÔN**  
**NGỮ VĂN 10**  
**(Tài liệu lưu hành nội bộ)** **lớp 10**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU  
PHẠM NGỌC LAN – TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY  
TRẦN LÊ HOA TRANH – ĐÌNH PHAN CẨM VÂN – ĐOÀN THỊ THU VÂN

# TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MÔN **NGỮ VĂN 10**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

lớp

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

# DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ	CHỮ VIẾT TẮT
Chương trình giáo dục phổ thông	CTGDPT
Học sinh	HS
Giáo viên	GV
Yêu cầu cần đạt	YCCĐ
Trung học cơ sở	THCS
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	NXB GDVN
Sách giáo khoa	SGK
Chuyên đề học tập	CĐHT
Văn bản	VB
Sách giáo viên	SGV

# Lời mở đầu

Sách giáo khoa (SGK) và sách Chuyên đề học tập (CDHT) *Ngữ văn 10, bộ Chân trời sáng tạo*, là bộ sách được biên soạn trên tinh thần bám sát mục tiêu và hệ thống yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình Ngữ văn 2018.

*Tài liệu tập huấn giáo viên Ngữ văn 10* được biên soạn nhằm làm rõ một số nội dung trong việc triển khai hiện thực hóa Chương trình Ngữ văn 2018, từ đó giúp các thầy cô giáo sử dụng bộ sách trong giảng dạy một cách chủ động, sáng tạo, hiệu quả.

Phần I, tài liệu tập huấn trình bày các nội dung chính về SGK *Ngữ văn 10: Quan điểm biên soạn; Những điểm mới của SGK; Cấu trúc sách và cấu trúc các bài học; Phương pháp, phương tiện dạy học; Phương pháp kiểm tra đánh giá; Cấu trúc SGV và những lưu ý trong việc sử dụng sách; Ưu điểm và tính khả thi của sách; ...*

Phần II, tài liệu trình bày các nội dung về sách CDHT *Ngữ văn 10: Mục tiêu và quan điểm biên soạn các CDHT; Đặc điểm cấu trúc sách, cấu trúc bài học chuyên đề; Một số lưu ý chung về phương pháp dạy học; Cấu trúc SGV và những lưu ý trong việc sử dụng sách; Ưu điểm và tính khả thi của việc thực hiện các CDHT trong bộ sách.*

Hi vọng rằng bộ tài liệu sẽ giúp quý thầy cô trong việc tìm hiểu SGK, sách CDHT *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo*, hiểu thêm về chương trình Ngữ văn mới, từ đó chủ động, sáng tạo trong việc tiếp cận và sử dụng bộ sách nhằm triển khai thực hiện tốt Chương trình Ngữ văn 2018 nói chung, Chương trình Ngữ văn lớp 10 nói riêng.

Kính chúc quý thầy cô thành công và có nhiều niềm vui trong năm học mới.

**Nhóm biên soạn**

# Mục lục

## PHẦN I: SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 10

1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa .....	5
2. Những điểm mới của sách giáo khoa .....	9
3. Cấu trúc sách và cấu trúc các bài học .....	20
4. Phương pháp, biện pháp dạy học .....	26
5. Phương tiện dạy học .....	40
6. Phương pháp kiểm tra đánh giá .....	41
7. Cấu trúc sách giáo viên và những lưu ý trong việc sử dụng sách .....	43
8. Ưu điểm và tính khả thi của Sách giáo khoa <i>Ngữ văn 10</i> trong việc thực hiện mục tiêu Chương trình Ngữ văn 2018 .....	44

## PHẦN II: SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10

1. Mục tiêu và quan điểm biên soạn sách chuyên đề học tập .....	47
2. Đặc điểm cấu trúc sách, cấu trúc bài học chuyên đề .....	47
3. Một số lưu ý chung về phương pháp dạy học .....	53
4. Cấu trúc sách giáo viên và những lưu ý trong việc sử dụng sách .....	55
5. Ưu điểm và tính khả thi của việc thực hiện các chuyên đề học tập trong bộ sách .....	56

# **PHẦN I:**

# **SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 10**

## **1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA**

Sách giáo khoa (SGK) môn Ngữ văn lớp 10, bộ *Chân trời sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) được biên soạn dựa trên các VB pháp quy; các quan điểm dạy học Ngữ văn dưới ánh sáng của các lí thuyết dạy học và lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại. Cụ thể:

### **1.1. Tuân thủ các văn bản pháp quy**

- Định hướng đổi mới giáo dục phổ thông được thể hiện qua Nghị quyết 29 về đổi mới chương trình và SGK phổ thông của Quốc hội: chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho người học.
- Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn (Bộ GD và ĐT, 2018).
- Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **1.2. Vận dụng các quan điểm dạy học hiện đại**

#### **1.2.1. Về vai trò của người học và người dạy**

Sách *Ngữ văn 10* được biên soạn dựa trên tinh thần các lí thuyết về học tập như: học tập theo cơ chế “kiến tạo tri thức” (J. Pyaget), “kiến tạo xã hội” (Vygotski, 1978), học tập thông qua hoạt động quan sát và tự điều chỉnh hành vi (Bandura, 1977), học tập thông qua trải nghiệm (Kolb, 1984).

Tinh thần chung của các lí thuyết nêu trên:

- Xem người học là chủ thể của quá trình kiến tạo tri thức và người dạy đóng vai trò hỗ trợ trong quá trình ấy.
- Cho rằng năng lực của người học, về cơ bản, chỉ có thể hình thành, phát triển thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Xem học tập là quá trình tương tạo<sup>1</sup> đa chiều giữa người dạy với người học, giữa người học với người học và giữa người học với môi trường xã hội.

Theo đó, SGK *Ngữ văn 10* thiết kế các hoạt động và các nhiệm vụ học tập phù hợp, tạo cho HS cơ hội trải nghiệm việc đọc, viết, nói và nghe,... dựa trên những chủ điểm phù hợp với lứa tuổi. Qua đó, HS kiến tạo tri thức cho bản thân, phát triển các phẩm chất chủ yếu,

<sup>1</sup> *Tương tạo (transaction)*: khác với *tương tác (interaction)*...

các năng lực chung và năng lực đặc thù mà chương trình yêu cầu. Trong vai trò là chủ thể học tập, HS được tạo cơ hội tham gia vào quá trình đánh giá kết quả học tập của bản thân thông qua việc thực hiện các bảng kiểm kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà sách đã thiết kế.

### **1.2.2. Về dạy học đọc, viết, nói và nghe theo tinh thần tích hợp**

#### **1.2.2.1. Dạy – học đọc**

Việc hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động đọc hiểu các loại VB, nhất là VB văn học, trong SGK *Ngữ văn 10* dựa trên thành tựu nghiên cứu hiện đại về lí luận văn học cũng như lí thuyết và kinh nghiệm dạy đọc hiểu từ các nền giáo dục phát triển. Chẳng hạn:

- Lí thuyết về thể loại lời nói và giao tiếp theo sơ đồ thể loại của M. Bakhtin, lí thuyết hiện đại về VB, liên VB,...
- Lí thuyết về tiếp nhận văn học (phê bình hồi ứng, mĩ học tiếp nhận) và xử lí VB.
- Lí thuyết về đọc hiểu, dạy học đọc hiểu trong nhà trường để cao quá trình trải nghiệm và các hoạt động tương tạo nơi người đọc của Rosenblatt.

Với tư cách là những người đọc “chủ động” trong tiếp nhận, khi tham dự vào “cấu trúc mời gọi” của VB văn học, người đọc luôn cần sử dụng các kĩ năng đọc như: *theo dõi, dự đoán, liên hệ, đọc lướt, tưởng tượng, suy luận, tóm tắt, khái quát hoá, đánh giá,...* để xử lí VB. Như thế, việc tạo cơ hội cho HS rèn luyện các kĩ năng vừa nêu để xử lí VB này là hết sức cần thiết.

Xuất phát từ các quan điểm trên, SGK *Ngữ văn 10* thiết kế việc dạy học đọc hiểu mỗi bài học theo một cụm ngữ liệu, với các tri thức công cụ về đọc hiểu loại VB<sup>1</sup>/ thể loại<sup>2</sup> văn học dựa trên một hệ thống câu hỏi đọc hiểu bám sát mục tiêu (YCCD) đọc hiểu của chương trình. Hệ thống các câu hỏi này hướng dẫn HS thực hành đọc theo ba giai đoạn: ***trước khi đọc*** (SGK THCS gọi là “Chuẩn bị đọc”), ***đọc VB*** (SGK THCS gọi là “Trải nghiệm cùng VB”) và ***sau khi đọc*** (SGK THCS gọi là “Suy ngẫm và phản hồi”).

Theo đó, các câu hỏi ở mục *Trước khi đọc* có tác dụng kích hoạt tri thức nền, huy động vốn sống và trải nghiệm đã có, chuẩn bị tâm thế, khơi gợi hứng thú của HS,... Các câu hỏi ở mục *Đọc VB* (trong các box *theo dõi, suy luận, dự đoán,...*) hướng dẫn HS trực tiếp đọc, thâm nhập VB, kiến tạo tri thức từ VB hiệu quả hơn. Các câu hỏi ở mục *Sau khi đọc* (theo ba mức độ nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng) giúp HS tìm hiểu phân tích nội dung, hình thức, kết nối chi tiết, bộ phận trong tính chỉnh thể của VB, đánh giá ý nghĩa, tác động của VB,... theo các YCCD, quy định CTGDPT môn Ngữ văn. Đặc biệt, yêu cầu của các hoạt động *Sau khi đọc* hướng đến mục tiêu phát triển kĩ năng đọc sâu, đọc kĩ VB theo đặc trưng của từng loại/ thể loại VB ở HS.

<sup>1</sup> Loại VB: như VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin.

<sup>2</sup> Thể loại: như thơ, truyện, kí, kịch (và thể, tức tiểu thể loại như: thần thoại, truyền thuyết, sử thi, truyện đồng thoại, truyện trinh thám, hồi kí, du ký, bi kịch, hài kịch,... thể thơ lục bát, thơ song thất lục bát, thơ tự do, thơ Haiku,...).

### **1.2.2.2. Dạy – học viết**

Để dạy viết hiệu quả, quý thầy cô cần lưu ý một số điểm dưới đây:

– *Viết* không chỉ đơn giản là tạo ra một sản phẩm chung chung. Trái lại, viết là tạo lập một sản phẩm giao tiếp. Ở đó, người viết thực hiện hành vi giao tiếp theo một “sơ đồ thể loại”, vận dụng quy cách của một kiểu VB nào đó khi tạo lập VB, nhằm đạt được một hiệu quả giao tiếp cụ thể.

– Trong lí luận dạy viết, nhiều nhà nghiên cứu cũng coi kiểu/ loại VB như một kiểu phương tiện giao tiếp xã hội, thể hiện những nguyên tắc giao tiếp, đặc điểm văn hoá của một cộng đồng được các thành viên trong cộng đồng chấp nhận. Điều này cũng có nghĩa là để kiến tạo mỗi kiểu loại VB, người viết phải có những loại kiến thức và kỹ năng liên quan đến kiểu loại VB ấy.

– SGK *Ngữ văn 10*, thiết kế việc dạy học viết các kiểu VB mà chương trình quy định theo các quan điểm nêu trên và theo hai hướng tiếp cận dạy học viết hiện đại: dạy học viết theo mô hình cấu trúc kiểu VB và theo quy trình viết.

Một mặt, theo mô hình cấu trúc kiểu VB, SGK cung cấp một sơ đồ giản lược các đặc điểm chính của VB, kèm theo một VB trực quan (ngữ liệu đọc tham khảo như một “hình mẫu” về kiểu bài) thể hiện tương đối rõ các đặc điểm ấy. GV dựa vào đó để hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích cấu trúc, đặc điểm kiểu VB cũng như thao tác thực hiện bài viết.

Mặt khác, SGK cũng đặc biệt coi trọng việc hướng dẫn HS thực hành viết theo quy trình. Theo đó, một quy trình chung sẽ được thực hiện lặp lại với nhiều kiểu bài, nhằm thông qua thói quen mà tạo sự thuần thục ở HS.

Cụ thể, SGK hướng dẫn HS thực hiện viết theo quy trình 4 bước: **1. Chuẩn bị viết, 2. Tìm ý, lập dàn ý, 3. Viết bài, 4. Xem lại và chỉnh sửa.**

### **1.2.2.3. Dạy – học nói và nghe**

Việc dạy nói và nghe có một số điểm khác biệt đáng lưu ý so với dạy viết và đọc:

– Nếu như *viết* và *đọc* là các hành vi giao tiếp gián tiếp thì *nói* và *nghe* là các hành vi giao tiếp trực tiếp (face to face) trong học tập và sinh hoạt. *Nói* (cùng với *viết*), là cách tạo lập lời nói (hay VB) thể hiện ý tưởng trong giao tiếp với người khác. *Nghe* (cùng với *đọc*) là cách tiếp nhận thông tin để hiểu VB, lời nói và hiểu người khác. Vì là giao tiếp trực tiếp, cùng với việc sử dụng lời nói (ngôn ngữ), cả người nói lẫn người nghe còn có thể tận dụng cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, … (ngôn ngữ cơ thể).

– Tuy nhiên, yêu cầu trong tác kịp thời, hồi đáp nhanh nhạy đòi hỏi những kỹ năng giao tiếp có phần khác với giao tiếp thông qua viết và đọc. Chẳng hạn, để tương tác hiệu quả, đôi bên cần có cả kỹ năng nói lẫn kỹ năng nghe; đôi bên phải tuân thủ nguyên tắc luân phiên lượt lời, sự đổi vai trong khi nói và nghe (hội thoại). Điều này cho thấy: trong dạy học, kỹ năng nói không thể được dạy tách rời kỹ năng nghe và ngược lại. Do đó, Chương trình Ngữ văn 2018 không chỉ quy định YCCĐ về *nói*, YCCĐ về *nghe* mà còn quy định cả YCCĐ về *nói – nghe tương tác*.

– Việc phát triển kĩ năng nói gắn liền với các điều kiện: sự hiểu biết về các phương tiện ngôn ngữ; cách phối hợp các hành vi, cử chỉ phi ngôn ngữ; độ nhạy bén trong từng hoàn cảnh giao tiếp,... Do đó, bên cạnh việc hướng dẫn luyện tập các kĩ năng sử dụng tiếng Việt, nhà sư phạm cần tạo cơ hội để HS rèn luyện các kĩ năng liên quan đến việc phân tích, xử lí các nhân tố của hoàn cảnh giao tiếp, giúp cho việc giao tiếp (nói và nghe) hiệu quả.

Theo đó, SGK *Ngữ văn 10* thiết kế các hoạt động nói, trình bày về một đề tài trong các bài học theo quy trình chung: **1. Chuẩn bị nói** (gồm: xác định đề tài, mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý; luyện tập); **2. Trình bày bài nói;** **3. Trao đổi, đánh giá.** Đó là quy trình được lặp đi lặp lại với mục tiêu hình thành kĩ năng nói – nghe trong giao tiếp, hợp tác đồng thời phát triển năng lực tư duy, khả năng tự kiểm soát hành vi, nhận thức, thái độ của bản thân trong giao tiếp.

– Việc phát triển kĩ năng nghe về cơ bản được kết hợp với việc phát triển kĩ năng nói, bởi đây là hai loại kĩ năng không tách rời nhau mà thường phải phát triển đồng thời. Tuy nhiên, để hình thành kĩ năng nghe, HS cũng cần được cung cấp một số tri thức giản yếu cũng như hướng dẫn một số kĩ năng thao tác chuyên biệt về nghe như: *chuẩn bị tâm thế trước khi nghe, cách lắng nghe và ghi chép trong khi nghe, cách nêu câu hỏi và phản hồi sau khi nghe,...* Do đó, một mặt, SGK *Ngữ văn 10* thiết kế kết hợp dạy học nghe với dạy học nói trong hầu hết các bài học, mặt khác cũng tách nội dung dạy học nghe riêng ở một số bài nhằm tạo điều kiện để HS được rèn luyện riêng các kĩ năng về nghe như vừa nêu. Ở Bài 1 và Bài 6 (đầu mỗi học kì), việc dạy học nghe được tách riêng sau khi dạy học nói, là thiết kế theo tinh thần này.

#### 1.2.2.4. Nguyên tắc tích hợp

Trên nền tảng dạy đọc hiểu VB theo thể loại tích hợp với chủ điểm, dạy đọc tích hợp với dạy viết, SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo*, cũng tận dụng triệt để tinh thần tích hợp dạy đọc với dạy tiếng Việt, dạy đọc với viết, dạy viết với dạy nói và nghe. Đây là xu hướng ưu việt và tất yếu của giáo dục hiện đại: Trong bối cảnh mà số lượng kiến thức của nhân loại gia tăng nhanh chóng, vô tận, nhà giáo dục không thể và không nên chạy đua về lượng mà cần chú trọng về chất, về loại và về kĩ năng. Việc dạy đọc hiểu theo thể loại, dạy viết theo kiểu bài, dạy nói và nghe theo loại/ nhóm vấn đề; tích hợp dạy đọc với tiếng Việt, với viết, tích hợp dạy viết với nói và nghe;... theo tinh thần của bộ sách, có thể xem là những lựa chọn khả thi và triển vọng.

### 1.3. Cách vận dụng của nhóm biên soạn

Quan điểm được nhóm biên soạn quán triệt trong khi biên soạn bộ sách là:

- Bám sát mục tiêu phát triển năng lực, đáp ứng hệ thống YCCĐ của Chương trình Ngữ văn lớp 10, Chương trình môn học Ngữ văn, 2018.
- Tích hợp dạy đọc hiểu theo thể loại và theo chủ điểm, tích hợp dạy đọc với dạy tiếng Việt, dạy đọc với viết, nói và nghe.
- Tuyển chọn ngữ liệu và tổ chức dạy học đọc hiểu theo cụm VB.
- Hỗ trợ HS tự học, tăng hứng thú cho người học.

## 2. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA

Do bám sát Chương trình Ngữ văn 2018, SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo*, có nhiều điểm mới so với SGK hiện hành, về mục tiêu bài học, quan điểm và phương thức thực hiện việc dạy học tích hợp, cách kết nối nội dung dạy học, cách thiết kế các nhiệm vụ học tập,...

### 2.1. Bám sát việc đáp ứng các Yêu cầu cần đạt của chương trình

Mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể (Bộ GD và ĐT, 2018) và CTGDPT môn Ngữ văn (Bộ GD và ĐT, 2018) đã được cụ thể hóa bằng một hệ thống các YCCĐ về đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ (giao tiếp) và năng lực văn học, đồng thời qua đó, phát triển ở HS các phẩm chất cơ bản. SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* xem việc bám sát mục tiêu và giúp HS đáp ứng được tất cả các YCCĐ là nguyên tắc cao nhất.

Các YCCĐ được thể hiện bằng những động từ chỉ những hành động mà HS có thể thực hiện được, đồng thời GV có thể đo được mức độ thực hiện các hành động đó.

Ví dụ: sau khi học xong bài 1 (*Tạo lập thế giới*), bên cạnh việc hình thành phát triển phẩm chất: “Trân trọng trí tưởng tượng và di sản nghệ thuật của người xưa”, HS cần đạt các yêu cầu về kỹ năng như sau:

#### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật.
- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản truyện kể; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện kể thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn.
- Viết được văn bản nghị luận đúng quy trình; phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một truyện kể.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể; nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
- Trân trọng trí tưởng tượng và di sản nghệ thuật của người xưa.

YCCĐ của từng bài học có các vai trò:

– Định hướng kết quả mà người biên soạn sách cần bám vào để giúp HS đạt được YCCĐ sau khi học xong mỗi bài học.

- Là căn cứ để đánh giá HS.
- Là căn cứ để GV thực hiện các phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học sao cho giúp HS đạt được yêu cầu (không nâng cao yêu cầu không hạ thấp). Mọi hoạt động dạy học đều phải được thiết kế dựa trên YCCĐ của bài học.

Tuy nhiên, hệ thống YCCĐ mà chương trình yêu cầu khá đa dạng, nhiều nhóm, nhiều cấp độ có quan hệ tương hỗ phức tạp với nhau. Thực hiện tốt YCCĐ này là điều kiện thực hiện tốt YCCĐ khác, và ngược lại. Nếu bỏ sót một YCCĐ hay một chi tiết, bộ phận của một YCCĐ nào đó sẽ rất tai hại, và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu chung.

Nhằm bảo đảm tính bao quát và kiểm soát được hệ thống YCCĐ, nhóm biên soạn phải xây dựng ma trận chung cho từng tập sách và từng bài học.

Chỉ riêng với việc đọc hiểu hai VB chính trong từng chủ điểm – bài học, các YCCĐ lớn (N1, N2,...) nhỏ (a, b, c,...) đã phải được phân bố một cách hợp lý và và đáp ứng đầy đủ. Ví dụ để đáp ứng được các YCCĐ về đọc hiểu sử thi, HS phải thực hiện và đáp ứng đầy đủ, các YCCĐ lớn nhỏ qua đọc hiểu hai VB: **Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây** và **Gặp Ka-ríp và Xi-la** (xem Bảng 1).

**Bảng 1. Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi đọc hiểu hai văn bản sử thi:**

**Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây (VB 1) – Gặp Ka-ríp và Xi-la (VB 2)**

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Câu hỏi văn bản 1	Câu hỏi văn bản 2
N1: “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi như không gian [1a], thời gian [1b], cốt truyện [1c], nhân vật [1d], lời người kể chuyện [1e] và lời nhân vật [1g]”	[1.a,b,c]:1, 2 [1.d]: 3, 4 [1.e]: 5a, b [1.g]: 4	[1.a,b,c]:1, 2, 5 [1.d]: 1, 5 [1.e]: 1 [1.g]: 1
N2: “Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc [2a], cảm hứng chủ đạo [2b] và giá trị đạo đức, văn hoá từ VB [2c]”	[2a]: 3, 5.a, b [2.b]: 3 [2.c]: 3	[2a]: 6 [2.b]: 6 [2.c]: 6
N3: “Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB văn học” [3]	[3]: 6, 5.b	[3]: 4
N4: YCCĐ tổng hợp [4]	[4]: 7	[4]: 0

**\* Ghi chú:**

N1, N2, N3, N4: các nhóm YCCĐ; [...a], [...b], [...c],...: các YCCĐ chi tiết.

Bộ câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu dưới đây bám sát các YCCĐ đối với việc đọc sử thi (VB 1: **Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây**, Ngữ văn 10, tập một, tr.42):

### Sau khi đọc

1. Tóm tắt các sự kiện chính trong văn bản trên.
2. Đăm Săn đã gặp khó khăn gì vào thời điểm cuối cuộc giao chiến với Mtao Mxây? Nhờ đâu mà chàng vượt qua được khó khăn ấy để giành chiến thắng?
3. Đăm Săn và Mtao Mxây đều là những tù trưởng tài giỏi, nhưng văn bản trên đã cho thấy, người xứng đáng được xem là anh hùng của cộng đồng chỉ có thể là Đăm Săn. Hãy so sánh hai nhân vật để làm rõ điều đó.
4. Trong sử thi, lời nói của nhân vật thường góp phần quan trọng trong việc thể hiện tính cách, vị thế xã hội của mình. Hãy chọn và phân tích một số lời thoại của Đăm Săn trong văn bản trên để làm rõ điều đó.
5. Cho biết:
  - a. Tác dụng của lối nói quá và cách ví von trong văn bản; nhận xét về ngôn ngữ sử thi.
  - b. Cụm từ “*bà con xem...*” trong văn bản trên là lời của ai hướng đến ai? Theo bạn, việc sử dụng những cụm từ như thế trong văn bản sử thi có tác dụng gì?
6. Cảnh tiệc tùng và hình ảnh Đăm Săn ở nửa sau của văn bản gợi cho bạn suy nghĩ gì về phong tục và không khí hội hè của người Ê-đê?
7. Có người cho rằng văn bản *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* có đủ yếu tố của truyện, kịch và thơ. Cho biết ý kiến của bạn về nhận định trên.

Bộ câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu dưới đây bám sát các YCCĐ đối với việc đọc sử thi (VB 2: *Gặp Ka-ríp và Xi-la*, *Ngữ văn 10*, tập một, tr.47):

### Sau khi đọc

1. Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong văn bản trên và cho biết: theo lời tiên đoán của Xi-ếc-xê, Ô-đi-xê đã cẩn dặn thuỷ thủ phải làm những gì để tránh sự quyến rũ nguy hiểm của các nàng Xi-ren?
2. Dù đã có những dự liệu khôn ngoan, đề phòng khả năng xấu nhất, Ô-đi-xê và bạn đồng hành vẫn phải đối mặt với nhiều thử thách bất ngờ. Các chi tiết nào cho thấy điều đó?
3. Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong văn bản trên có ưu thế gì so với ngôi thứ ba?
4. Hình tượng những quái vật biển như Ka-ríp, Xi-la được xây dựng từ hiện tượng tự nhiên nào? Các hiện tượng ấy giúp bạn hình dung như thế nào về không gian, thời gian sử thi?
5. Phân tích một số chi tiết thể hiện bản lĩnh của Ô-đi-xê trong vai trò một người lãnh đạo trước những khó khăn, thử thách mà chàng và các bạn đồng hành phải đối mặt.
6. Nêu cảm hứng chủ đạo của đoạn trích.

## 2.2. Tích hợp triệt để ở nhiều cấp độ

Một điểm mới nổi bật của SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* là sự tích hợp về kỹ năng và tích hợp về nội dung dạy học. Cụ thể là *Tích hợp dạy học đọc VB theo loại/ thể loại với dạy học theo chủ điểm; Tích hợp dạy học các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; Tích hợp dạy học đọc viết với tiếng Việt.*

### 2.2.1. Tích hợp dạy học đọc văn bản theo loại/ thể loại với dạy học theo chủ điểm (xem Bảng 2).

**Bảng 2. Tích hợp dạy đọc theo thể loại (hoặc tác giả Nguyễn Trãi) với dạy đọc theo chủ điểm**

Bài	Chủ điểm	Thể loại	Văn bản (ngữ liệu)
1	<b>Tạo lập thế giới</b>	<b>Thần thoại</b>	<i>Thần Trụ Trời Prô-mê-tê và loài người Đi san mặt đất Cuộc tu bổ lại các giống vật</i>
2	<b>Sống cùng kí ức của cộng đồng</b>	<b>Sử thi</b>	<i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây Gặp Ka-ríp và Xi-la Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời</i>
3	<b>Giao cảm với thiên nhiên</b>	<b>Thơ</b>	<i>Hương Sơn phong cảnh Thơ duyên Nắng đã hanh rỗi</i>
4	<b>Những di sản văn hóa</b>	<b>VB thông tin</b>	<i>Tranh dân gian Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam Những bản tin (2), (3) Chợ nổi – nét văn hóa sông nước miền Tây</i>
5	<b>Nghệ thuật truyền thống</b>	<b>Chèo/ tuồng</b>	<i>Thị Mầu lèn chùa; Xã trưởng – Mẹ Đốp (chèo cổ) Huyện Trià xử án; Huyện Trià, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến (tuồng đỗ)</i>
6	<b>Nâng niu kỉ niệm</b>	<b>Thơ</b>	<i>Chiếc lá đầu tiên Tây Tiến Nắng mới</i>
7	<b>Anh hùng và nghệ sĩ</b>	<b>VB nghị luận; Tác phẩm của Nguyễn Trãi</b>	<i>Bình Ngô đại cáo Thư lại dụ Vương Thông Bảo kính cảnh giới – Bài 43 Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ Dục Thuý Sơn</i>

8	<b>Đất nước và con người</b>	Truyện	<i>Đất rừng phương Nam Giang Buổi học cuối cùng</i>
9	<b>Khát vọng độc lập và tự do</b>	VB nghị luận	<i>Hịch tướng sĩ Nam quốc sơn hà – bài thơ “Thần” khẳng định chân lí độc lập của đất nước Tôi có một giấc mơ</i>

Mục đích của việc dạy học đọc hiểu theo thể loại với chủ điểm là để tăng cường kết hợp đọc hiểu các yếu tố hình thức loại thể của VB với nội dung các VB trong sự kết nối chủ điểm, giúp HS vừa biết cách đọc các VB theo thể loại, vừa rèn luyện kĩ năng nhận thức thiên nhiên, nhận thức xã hội, nhận thức bản thân.

### 2.2.2. Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói nghe được thể hiện ở tất cả các bài học ở những mức độ khác nhau. Đó là:

#### 2.2.2.1. Tích hợp kĩ năng đọc và kĩ năng viết

Tích hợp đọc và viết cũng được thể hiện trong phần lớn các bài. Bảng tổng hợp dưới đây thể hiện rõ điều này (xem Bảng 3).

**Bảng 3. Tích hợp dạy – học đọc với dạy – học viết**

Bài	Đọc	Viết
1	Phân tích đánh giá <b>VB truyện</b> : Thần thoại.	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một <b>tác phẩm văn học (truyện)</b> .
2	Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong <b>thơ</b> .	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một <b>tác phẩm văn học (thơ)</b> .
3	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của <b>sử thi</b> .	Viết được VB nghị luận về một vấn đề xã hội (thần tượng, người lãnh đạo, anh hùng,...).
4	Nhận biết được một số dạng <b>VB thông tin tổng hợp</b> .	Viết được một báo cáo kết quả nghiên cứu có sử dụng kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ.
6	Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả (trong <b>VB nghị luận</b> ).	Viết được một <b>bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm</b> .
9	Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.	Viết được một <b>bài luận về bản thân</b> .

Mục đích của việc tích hợp dạy học đọc với dạy học viết là để HS phát triển đồng thời hai loại kỹ năng chủ yếu liên quan đến tiếp nhận VB và tạo lập VB, phát huy tính chất tương tạo (transaction) tự nhiên giữa đọc và viết.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng đọc nhiều sẽ có tác động tốt đến kỹ năng viết. Vì thế, mục đích của việc tích hợp đọc và viết cùng kiểu loại VB là giúp HS có thể vận dụng những hiểu biết về kiểu loại VB (hình thức thể hiện và phong cách ngôn ngữ) mà HS đã học trong giờ đọc hiểu để tạo lập VB cùng kiểu loại.

Việc tích hợp đọc và viết còn thể hiện ở một cấp độ nhỏ hơn là viết ngắn trong quá trình đọc (Từ đọc đến viết), qua việc GV hướng dẫn HS thực hiện các phiếu học tập, vẽ sơ đồ, viết nhật ký đọc sách,... Hoạt động này giúp HS ghi nhớ những gì đã học lâu hơn vì quá trình viết là quá trình HS phải định hình suy nghĩ của mình và thể hiện bằng ngôn từ. Những sản phẩm viết ngắn này sẽ được lưu giữ trong hồ sơ học tập của HS để các em nhìn lại chính sản phẩm của mình, tự đánh giá. Qua các sản phẩm đó, GV cũng đánh giá được thái độ học tập, mức độ nhận thức, tư tưởng, tình cảm của HS.

### **2.2.2.2. Tích hợp kỹ năng viết và nói – nghe**

Phần lớn các bài thực hành viết của HS cũng sẽ được trình bày trong các giờ học nói và nghe (xem Bảng 4).

**Bảng 4. Tích hợp dạy – học viết với dạy – học nói và nghe**

<b>Bài</b>	<b>Viết</b>	<b>Nói và nghe</b>
1	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể (truyện dân gian hoặc truyện ngụ ngôn kể bằng văn bản).	Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể (truyện dân gian hoặc truyện ngụ ngôn kể bằng văn bản).
2	Viết được một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.	Biết trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.
3	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ.	Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ.
6	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.	Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học. Biết nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói; nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
7	Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.	Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội.

8	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.	Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.
9	Viết được một bài luận về bản thân.	Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội (sự lựa chọn nghề nghiệp của tuổi trẻ ngày nay)...

Mục đích của việc dạy kĩ năng nói – nghe gắn với kĩ năng viết là tạo cơ hội cho HS chia sẻ những gì đã viết, phát triển năng lực giao tiếp ở cả hai hình thức nói và viết; đồng thời để HS nhận ra sự khác biệt đáng lưu ý giữa nói và viết, cho dù đây đều là các kĩ năng tạo lập VB.

### 2.2.1. Tích hợp dạy – học đọc với dạy – học tiếng Việt

Việc tích hợp dạy đọc với dạy tiếng Việt được thực hiện theo nguyên tắc: tri thức kĩ năng về tiếng Việt cụ thể được đưa vào bài học khi có các hiện tượng tiếng Việt tương ứng xuất hiện trong các VB đọc hiểu, tức là khi có ngữ liệu phù hợp.

Ví dụ 1: Trong các VB trích từ sử thi *Đăm Săn*, *Ô-đi-xê* (Bài 2: *Sóng cùng kí ức của cộng đồng*), do yêu cầu về độ dài của VB và thời lượng, thường được lược trích. Đây sẽ là các ngữ liệu thuận lợi cho việc dạy *Cách đánh dấu phần bị tinh lược trong VB*.

Ví dụ 2: Trong các VB như: *Bình Ngô đại cáo*, *Thư lại du Vương Thông*, hay các bài thơ chữ Hán, chữ Nôm của Nguyễn Trãi (Bài 6: *Anh hùng và nghệ sĩ*) xuất hiện khá dày các từ Hán Việt, từ khó. Đây chính là các ngữ liệu phù hợp để dạy lỗi dùng từ (*nhất là từ Hán Việt*) và *cách sửa các lỗi đó*.

Việc dạy tri thức tiếng Việt và thực hành tiếng Việt ở đây hướng tới đồng thời cả hai mục đích: cung cấp hoặc củng cố các tri thức tiếng Việt cơ bản và sử dụng các tri thức tiếng Việt ấy để đọc hiểu VB tốt hơn.

### 2.2.2. Tích hợp dạy – học viết và dạy – học tiếng Việt

Việc tích hợp viết và tiếng Việt được thể hiện trước hết qua việc thiết kế những bài tập viết ngắn. Trong khi thực hiện nhanh việc tạo lập những đoạn viết ngắn, HS được yêu cầu vận dụng những hiện tượng ngôn ngữ đã được học, luyện tập ở phần thực hành tiếng Việt.

### 2.3. Tri thức Ngữ văn chọn lọc: trang bị kiến thức nền và công cụ bổ trợ đọc hiểu

Các tri thức (bao gồm kiến thức, kĩ năng) trong SGK *Ngữ văn 10* được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiến thức đối với lớp 10 mà CTGDPT môn Ngữ văn đã xác định. Tuy nhiên, đây đều là những tri thức cơ bản, chọn lọc, làm cơ sở để thực hiện các YCCD, tức là xuất phát từ mục tiêu, gắn với mục tiêu dạy học hết sức rõ ràng. Ví dụ: Khi bài học có YCCD: giúp HS “nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...”, mục *Tri thức Ngữ văn* sẽ có các mục từ liên quan như *sử thi*, hay *thần thoại*, *cốt truyện sử thi/ cốt truyện thần thoại*, *nhân vật sử thi/ nhân vật thần thoại*, ...

Tương tự, khi bài học có YCCĐ: giúp HS “nhận biết được lỗi dùng từ (từ Hán Việt) và biết cách sửa các lỗi đó” thì tri thức tiếng Việt sẽ cung cấp tri thức về “các lỗi dùng từ”, nhất là từ Hán Việt và “cách sửa”.

### **2.3.1. Hệ thống mục từ – khái niệm Tri thức Ngữ văn công cụ**

Các tri thức này được trình bày ngắn gọn (trong mục *Tri thức Ngữ văn*). Đó là những tri thức mang tính chất công cụ, giúp HS không chỉ biết cách đọc hiểu VB trong SGK mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại, nằm ngoài chương trình.

Dưới đây là bảng tổng hợp thống kê các mục từ – khái niệm liên quan trong *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* (xem Bảng 5).

**Bảng 5. Các mục từ – khái niệm trong Tri thức đọc hiểu**

Các mục từ – khái niệm	Bài học
<i>Thần thoại; cốt truyện thần thoại, nhân vật thần thoại; không gian trong thần thoại; thời gian trong thần thoại.</i>	Bài 1
<i>Sử thi; nhân vật sử thi; cốt truyện sử thi; lời người kể chuyện và lời nhân vật trong sử thi; thời gian, không gian sử thi; bối cảnh văn hóa – xã hội của sử thi; cảm hứng chủ đạo trong sử thi.</i>	Bài 2
<i>Thơ; chủ thể trữ tình; nhân vật trữ tình; từ ngữ trong thơ; hình ảnh trong thơ; vần, đối, nhịp trong thơ.</i>	Bài 3
<i>VB thông tin tổng hợp; yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm nghị luận trong VB thông tin tổng hợp.</i>	Bài 4
<i>Chèo/tuồng; đề tài và tích truyện trong chèo/ tuồng; nhân vật, lời thoại trong chèo/ tuồng; phương thức lưu truyền VB chèo/tuồng.</i>	Bài 5
<i>Giá trị thẩm mĩ của các yếu tố trong thơ (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình).</i>	Bài 6
<i>Văn nghị luận; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận; yếu tố biểu cảm trong nghị luận; văn nghị luận trung đại.</i>	Bài 7
<i>Truyện; nhân vật và câu chuyện; người kể chuyện toàn tri và người kể chuyện hạn tri; điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.</i>	Bài 8
<i>Cách sắp xếp trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận; bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hóa, xã hội trong văn nghị luận; mục đích, quan điểm của người viết.</i>	Bài 9

Trong SGK *Ngữ văn 10*, các thông tin về tác giả được trình bày ngắn gọn, đóng khung, đặt sau các câu hỏi *Sau khi đọc*. Bởi đây chỉ là các thông tin này hỗ trợ tham khảo, không phải là tri thức bắt buộc HS phải học trên lớp hoặc được dùng để kiểm tra khả năng ghi nhớ của HS (vì thế, trong tiến trình giờ dạy trên lớp, không cần có mục *Tìm hiểu tác giả, tác phẩm*). Riêng với các tác phẩm gồm nhiều chương hồi, sách có tóm tắt nội dung, xác định vị trí của VB trích trong tác phẩm, được đóng khung và đặt ngay trước VB đọc.

### 2.3.2. Hệ thống ngữ liệu – văn bản đọc hiểu

Dưới đây là bảng tổng hợp các VB được dùng làm ngữ liệu dạy đọc trong *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* (xem Bảng 6).

**Bảng 6. Danh mục văn bản đọc hiểu Ngữ văn 10, bộ Chân trời sáng tạo**

Loại văn bản	Thể loại, nhan đề	Bài học
<b>Văn bản văn học (gồm 24 văn bản)</b>	<p><b>Thần thoại:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Thần Trụ trời, Prô-mê-tê và loài người, Cuộc tu bổ lại các giống vật, Đisan mặt đất (văn vần)</i></li> </ul> <p><b>Sử thi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây; Gặp Ka-rip và Xi-la; Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời</i></li> </ul> <p><b>Truyện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Lời má năm xưa</i></li> <li>– <i>Dưới bóng hoàng lan</i></li> <li>– <i>Đất rừng phương Nam; Giang; Buổi học cuối cùng</i></li> </ul> <p><b>Chèo:</b> hai VB chèo (dành cho HS chọn đọc VB chèo)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Thị Màu lên chùa; Xã trưởng – Mẹ Đốp</i></li> </ul> <p><b>Tuồng:</b> hai VB tuồng (dành cho HS chọn đọc VB tuồng)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Huyện Trìa xử án; Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến</i></li> </ul> <p><b>Tho:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Hương Sơn phong cảnh; Thơ duyên; Nắng đã hanh rồi</i></li> <li>– <i>Lí ngựa ô ở hai vùng đất</i></li> <li>– <i>Chiếc lá đầu tiên; Tây Tiến; Nắng mới</i></li> <li>– <i>Bảo kinh cảnh giới; Dục Thuý Sơn</i></li> <li>– <i>Xuân về</i></li> </ul>	Bài 1  Bài 2  Bài 3 Bài 6 Bài 8  Bài 5 (a)  Bài 5 (b)  Bài 3 Bài 4 Bài 6 Bài 7 Bài 8
<b>Văn bản nghị luận (gồm 6 văn bản)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– <i>Bình Ngô đại cáo; Thư lại dụ Vương Thông; Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ</i></li> <li>– <i>Hịch tướng sĩ; Nam quốc sơn hà – bài thơ “Thần” khẳng định chân lí độc lập của đất nước; Tôi có một giấc mơ</i></li> </ul>	Bài 6  Bài 9

<b>Văn bản thông tin (gồm 6 văn bản)</b>	<b>VB thuyết minh, bản tin</b> – Ngôi nhà truyền thống của người Ê đê – Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam; Chợ nổi – nét văn hóa sông nước Miền Tây <i>Bản tin: Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống; Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật</i> – Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương	Bài 2 Bài 4 Bài 5a, b
--	--	-----------------------------

### 2.3.3. Tri thức tiếng Việt

*Tri thức tiếng Việt* được trình bày trong khung, ngay sau *Tri thức đọc hiểu* (trong mục *Tri thức Ngữ văn*), là những tri thức mà chương trình yêu cầu. Các tri thức này được dạy gắn với các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB và mang tính chất công cụ, giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn (xem Bảng 7).

**Bảng 7. Các đơn vị tri thức tiếng Việt**

Tri thức tiếng Việt	Bài học
Lỗi về liên kết đoạn văn: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa	Bài 1
Cách đánh dấu phần bị tinh lược trong VB, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú	Bài 2
Lỗi dùng từ và cách sửa	Bài 3
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu (khai thác từ hình ảnh, số liệu có trong hoặc kèm theo các VB đọc).	Bài 4
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: biểu đồ, sơ đồ,...	Bài 5
Lỗi về trật tự từ và cách sửa	Bài 6
Lỗi dùng từ, cách sửa (từ ngữ Hán Việt)	Bài 7
Biện pháp tu từ chèm xen, liệt kê: đặc điểm và tác dụng	Bài 8
Lỗi liên kết VB: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa; Lỗi về trật tự từ và cách sửa	Bài 9

### 2.3.4. Tri thức Làm văn (viết, tạo lập văn bản theo kiểu bài)

Tri thức này gồm: *Tri thức về kiểu bài* (tên, cách hiểu về kiểu bài; yêu cầu đối với kiểu bài, được đóng khung trong SGK), *Đọc ngữ liệu tham khảo*. Đây là những tri thức công cụ để HS không chỉ hiểu được đặc điểm kiểu bài mà còn có thể vận dụng để tạo lập VB đúng với yêu cầu sơ đồ của kiểu bài.

*Yêu cầu đối với kiểu bài* được thể hiện phần nào qua *ngữ liệu tham khảo*. Qua mục *Đọc ngữ liệu tham khảo*, GV hướng dẫn HS đổi chiều VB bài viết này với yêu cầu, sơ đồ dàn ý kiểu bài để nhận diện kiểu bài và thực hành cách viết (xem thêm mục *Phương pháp dạy viết*).

Trong chương trình Ngữ văn lớp 10, HS được học cách viết 7 kiểu bài:

**Bảng 8. Các kiểu bài viết trong SGK Ngữ văn 10, bộ Chân trời sáng tạo**

Kiểu văn bản	Đề bài	Bài học
Nghị luận văn học	Viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể, một tác phẩm truyện kể/tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.	Bài 1, bài 8
	Viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ/ một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.	Bài 3, bài 6
Nghị luận xã hội	Viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội.	Bài 2
	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.	Bài 7
VB thông tin	Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.	Bài 4
	Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng	Bài 5
	Viết một bài luận về bản thân.	Bài 9

### 2.3.5. Tri thức về Nói và nghe

Nội dung tri thức về nói và nghe trong SGK gồm:

- Cách nói/ trình bày một kiểu bài cụ thể.
- Kỹ năng giao tiếp nói chung: kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi.

Nội dung thứ nhất thường gắn với kiểu bài viết mà HS đã học, đã viết.

Nội dung thứ hai – kỹ năng giao tiếp nói chung – HS cũng sẽ được học qua từng bài nói và nghe để từng bước hình thành kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi. Nhưng vì không cần thiết lặp lại ở hầu hết các bài, nên sách chỉ trình bày khá cẩn kẽ trong một vài bài đầu học kì 1. Khi nói hoặc trình bày các kiểu bài khác, HS thực hiện dựa vào những gợi ý trong các bài này.

## 2.4. Thiết kế bài học thông qua các nhiệm vụ học tập

### 2.4.1. Đặc điểm chung

Các nhiệm vụ học tập trong SGK Ngữ văn 10 có những đặc điểm sau:

- Bám sát các YCCĐ về phẩm chất, năng lực và các kỹ năng đọc viết, nói, nghe mà CT-GDPT tổng thể cũng như CTGDPT môn Ngữ văn đã quy định.
- Được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS, hướng dẫn HS từng bước kiến tạo tri thức và hình thành kỹ năng.
- Phù hợp với tầm nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lí của HS lớp 10.

#### **2.4.2. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Đọc**

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về đọc, hướng dẫn HS hoàn thành mục tiêu/ YCCĐ mà chương trình đã đề ra, bao gồm các yêu cầu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức và liên hệ, kết nối và yêu cầu đọc mở rộng.
- Hướng dẫn HS khám phá nội dung và hình thức của VB, qua đó, hình thành và phát triển các kĩ năng đọc theo kiểu/ loại VB đã được xác định trong chương trình.
- Được thiết kế theo ba giai đoạn của tiến trình đọc: trước, trong và sau khi đọc. Ba giai đoạn này được cài đặt ứng với ba mục lớn của bài học đọc là *Trước khi đọc, Đọc VB và Sau khi đọc*.
- Hướng dẫn HS thực hành đọc mở rộng ở nhà có theo dõi, nhắc nhở.

#### **2.4.3. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần tiếng Việt**

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu về tiếng Việt của chương trình lớp 10.
- Gắn với ngữ liệu trong VB đọc.
- Gồm các bài tập thực hành kiến thức mới và ôn lại các đơn vị kiến thức đã học ở những bài học trước, cấp lớp dưới.

#### **2.4.4. Đặc điểm của nhiệm vụ học tập phần Từ đọc đến viết và phần Việt**

- Được thiết kế dựa trên YCCĐ về viết, hướng dẫn HS hoàn thành mục tiêu/ YCCĐ mà chương trình đã đề ra.
- Bao gồm các bài tập ngắn (Từ đọc đến viết), các đề bài và các bảng kiểm (sau khi viết VB). Các câu hỏi này gắn với một đề bài cụ thể để HS học kiến thức về kiểu bài đó thông qua thực hành viết một bài. Các bảng kiểm (checklist) được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiểu bài.
  - Gắn với thể loại VB đọc (trong một số trường hợp).
  - Hướng dẫn HS thực hành theo quy trình viết gồm 4 bước (với phần Việt): *Chuẩn bị viết, Tìm ý, lập dàn ý, Viết bài, Xem lại và chỉnh sửa*.

#### **2.4.5. Đặc điểm các nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe**

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về nói và nghe, hướng dẫn HS hoàn thành mục tiêu/ YCCĐ mà chương trình đã đề ra.
- Bao gồm các câu hỏi và bảng hướng dẫn HS luyện tập cách nói và các bảng kiểm. Các câu hỏi này thường gắn với một đề bài cụ thể HS đã làm ở phần Việt để HS có cơ hội chia sẻ bài đã viết bằng hình thức nói, đồng thời học kĩ năng giao tiếp: nói, nghe và nói – nghe tương tác, nghĩa là học bằng cách làm (learning by doing). Các bảng kiểm được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiểu bài nói.

### **3. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC CÁC BÀI HỌC**

#### **3.1. Cấu trúc bộ sách**

##### **3.1.1. Hướng dẫn sử dụng sách**

Hướng dẫn sử dụng sách gồm hình ảnh của các mục trong bài học và ý nghĩa của việc thực hiện các mục đó.

### **3.1.2. Các bài học**

Tập 1: 5 bài, Tập 2: 4 bài (xem mục lục)

### **3.1.3. Cuối sách có một số bảng công cụ**

#### **3.1.3.1. Bảng giải thích các kỹ năng đọc**

Bảng này trình bày các kỹ năng mà một người đọc cần thường xuyên sử dụng. Các kỹ năng này được thể hiện trong các mục *Trước khi đọc, Đọc VB, Sau khi đọc*.

#### **3.1.3.2. Bảng tra yếu tố Hán Việt**

Bảng này dùng để tra cứu nghĩa và cách sử dụng một số yếu tố Hán Việt có xuất hiện trong các VB đọc hiểu ở mỗi tập sách.

#### **3.1.3.3. Bảng tra cứu thuật ngữ**

Bảng này dùng để tra cứu một số thuật ngữ văn học liên quan, thuộc tri thức Ngữ văn (đọc hiểu, tiếng Việt) gắn với các bài học, là tri thức hỗ trợ cho hoạt động đọc, viết, thực hành tiếng Việt. Các thuật ngữ được sắp xếp theo thứ tự A, B, C chữ cái thuật ngữ, kèm theo số trang xuất hiện các thuật ngữ đó trong SGK.

#### **3.1.3.4. Bảng tra cứu tiếng nước ngoài**

Bảng này dùng để tra cứu danh từ riêng tiếng nước ngoài xuất hiện trong các VB đọc hiểu và và phiên âm tiếng Việt của các danh từ này.

## **3.2. Cấu trúc bài học**

Dưới đây là lược đồ cấu trúc bài học:

### **Sơ đồ cấu trúc và chức năng các mục trong bài học**



<b>VIẾT:</b> Tri thức về kiểu bài Ngữ liệu tham khảo và câu hỏi Hướng dẫn thực hành viết theo quy trình	Cung cấp tri thức công cụ để tạo lập VB. Hướng dẫn viết theo quy trình (4 bước)
<b>NÓI – NGHE:</b> Tri thức về kiểu bài Hướng dẫn quy trình nói – nghe	Cung cấp tri thức công cụ để tạo lập VB. Hướng dẫn nói, nghe
<b>ÔN TẬP</b>	Củng cố, suy ngẫm về câu hỏi lớn

### 3.2.1. Mục tiêu bài học

#### 3.2.1.1. Nội dung mục tiêu trong từng bài

Mục tiêu bài học về đọc, viết, nói và nghe được thể hiện qua YCCĐ của từng bài. Việc lựa chọn YCCĐ nào trong chương trình để đưa vào bài nào được thực hiện dựa trên nguyên tắc:

- Phù hợp với nội dung ngữ liệu.
- Đảm bảo không bỏ sót YCCĐ.

#### 3.2.1.2. Mục tiêu phẩm chất và năng lực chung

Mỗi bài học sẽ giúp HS hình thành các phẩm chất mà CTGDPT tổng thể đã nêu, phù hợp với nội dung từng bài. Các yêu cầu về năng lực chung như tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành và phát triển cho người học thông qua các hoạt động học tập được thiết kế ở từng bài.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi...
- Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo và giá trị đạo đức, văn hoá từ VB.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB văn học.
- Biết cách đánh dấu phần bị tinh lược trong VB, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.
- Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội; trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, các bằng chứng thuyết phục
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Nghe và nhận xét, đánh giá được ý kiến, quan điểm của người nói.
- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Mục tiêu về đọc hiểu và tiếng Việt

Mục tiêu về Viết Nói và nghe

Mục tiêu về phẩm chất

### 3.2.1.3. Mục tiêu năng lực đặc thù

#### a. Mục tiêu kỹ năng đọc

Gồm các mục tiêu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, vận dụng, đọc mở rộng.

Ví dụ: bài *Nâng niu kỉ niệm* (bài 6) có các mục tiêu:

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết; phát hiện các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB.
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ...
- Nhận được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Mục tiêu đọc hiểu nội dung  
Mục tiêu đọc hiểu hình thức  
Mục tiêu liên hệ, vận dụng

#### b. Mục tiêu kỹ năng viết:

Gồm mục tiêu về viết một kiểu bài, riêng bài thứ nhất *Lắng nghe lịch sử nước mình* có thêm mục tiêu về quy trình viết.

Ví dụ: Bài *Tạo lập thế giới* (Bài 1):

#### VIẾT

- Viết được VB đúng quy trình.
- Viết được một VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm văn học (truyện); chủ đề những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

Mục tiêu về quy trình viết  
Mục tiêu về viết một kiểu bài

#### c. Mục tiêu kỹ năng nói và nghe

Mỗi bài học thực hiện một mục tiêu nói và nghe khác nhau, thường gắn với mục tiêu kiểu bài viết. Cách tích hợp như vậy tạo thuận lợi cho GV khi triển khai bài dạy và thuận lợi cho HS khi học đọc, viết, nói và nghe về cùng một thể loại.

Ví dụ: bài *Nâng niu kỉ niệm* (bài 6) có mục tiêu về viết “Viết được một VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm văn học (thơ, văn xuôi trữ tình); chủ đề những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.”

#### NÓI VÀ NGHE

- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân); nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

Mục tiêu về nói một kiểu bài, nghe một vấn đề.

### 3.2.2. Giới thiệu bài đọc

Chức năng của mục này là giúp HS hình dung tổng quát về chủ điểm bài học, thể loại VB đọc, đồng thời đặt ra câu hỏi liên quan đến chủ điểm của bài học để khơi gợi hứng thú học bài mới và kiến thức nền của HS.

### 3.2.3. Đọc, thực hành tiếng Việt, viết ngắn (Từ đọc đến viết)

Hình thức câu hỏi đọc hiểu rất đa dạng về chức năng, nên cũng đa dạng về cách sử dụng. Dưới đây là bảng tóm tắt chức năng và định hướng sử dụng của các nhóm câu hỏi đọc hiểu *Trước khi đọc, Đọc VB, Sau khi đọc, Thực hành tiếng Việt, Viết ngắn (Từ đọc đến viết), Đọc VB kết nối chủ điểm và Đọc VB mở rộng theo thể loại* (xem bảng 9).

**Bảng 9. Chức năng và định hướng sử dụng các nhóm câu hỏi, bài tập**

Nhóm câu hỏi	Chức năng	Định hướng sử dụng
<b>Trước khi đọc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo tâm thế, hứng thú cho HS, khơi gợi kiến thức nền của HS để trực tiếp đọc VB.</li> </ul>	Cho HS trả lời trước khi đọc VB trên lớp.
<b>Đọc văn bản</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn HS rèn luyện một số kỹ năng trong khi đọc: <i>liên tưởng, tưởng tượng, suy luận, dự đoán,...</i>;</li> <li>- Kích hoạt kiến thức nền của HS; giúp tìm hiểu nhanh một số chi tiết quan trọng; các yếu tố, bộ phận của VB và tự kiểm soát việc hiểu của mình;</li> <li>- Chuẩn bị dữ liệu cho việc hiểu chỉnh thể VB ở bước <i>suy ngẫm và phản hồi</i>.</li> </ul>	Khi dạy HS đọc, đọc đến những đoạn có kí hiệu  và box câu hỏi, GV nhắc dừng một vài phút, suy nghĩ, trả lời câu hỏi, sau đó đọc tiếp.
<b>Sau khi đọc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp HS đáp ứng được YCCĐ của bài đọc.</li> <li>- Các câu hỏi được thiết kế theo ba cấp độ: (1) nhận biết; (2) phân tích suy luận; (3) đánh giá, vận dụng.</li> <li>- Hướng dẫn HS nhận biết và nhận xét về tác dụng của các chi tiết bể mặt của VB (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật,...).</li> <li>- Giúp HS nhận ra mối quan hệ giữa các chi tiết trong tính chỉnh thể của VB; vai trò, tác dụng của các thành tố trong việc thể hiện chủ đề, thông điệp của VB.</li> <li>- Hướng dẫn HS liên hệ với kinh nghiệm, kiến thức nền của bản thân, với các VB khác, với cuộc sống để hiểu VB và những vấn đề của cuộc sống; rút ra được bài học cho bản thân;</li> <li>- Tiếp tục phát triển các kỹ năng đọc hiểu VB (xem bảng kỹ năng đọc trong SGK).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV dành thời gian thích đáng để HS suy ngẫm, thảo luận và trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề nêu lên từ các câu hỏi.</li> <li>- Thường xuyên giúp HS kết nối với tri thức nền (về thể loại, VB cùng loại, kiến thức và trải nghiệm đời sống của bản thân,...) để suy ngẫm và phản hồi nhanh, hiệu quả.</li> <li>- Hình thành ở HS thói quen đánh giá, tự đánh giá (bằng cách đổi chiều với YCCĐ).</li> </ul>

<b>Hướng dẫn đọc văn bản kết nối chủ điểm</b>	Những câu hỏi này được thiết kế để hướng dẫn HS đọc hiểu một VB trong sự kết nối chủ điểm, nhằm tô đậm các ý tưởng về chủ điểm của bài học.	- Hình thành ở HS thói quen kết nối chủ điểm trong khi đọc VB.
<b>Hướng dẫn đọc văn bản mở rộng theo thể loại</b>	Những câu hỏi này được thiết kế để hướng dẫn HS vận dụng những tri thức về thể loại VB vào đọc VB cùng thể loại (đọc mở rộng theo thể loại).	HS đọc VB mở rộng theo thể loại ở nhà; trả lời các câu hỏi đọc theo thể loại (sẽ trình bày, trao đổi tại lớp ở tiết ôn tập, khi được yêu cầu).
<b>Thực hành tiếng Việt</b>	Là kiến thức, kĩ năng công cụ nhằm giúp HS đọc VB và thực hành viết tốt hơn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện sau khi đọc hiểu 3 VB của bài học.</li> <li>- Ngữ liệu rút ra từ 3 VB đó.</li> <li>- Giúp hiểu các VB hơn và làm cơ sở để thực hành “viết ngắn”.</li> </ul>
<b>Từ đọc đến viết (viết ngắn tích hợp đọc với tiếng Việt)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối đọc với viết.</li> <li>- Giúp nghĩ nhanh, viết nhanh,</li> <li>- Phát huy kĩ năng tưởng tượng sáng tạo và đánh giá, vận dụng sau khi đọc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chỉ thực hành bước <i>Trải nghiệm cùng VB, Suy ngẫm và phản hồi</i>.</li> <li>- Hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung, và kết nối chủ điểm bài học.</li> </ul>

### 3.2.4. Viết văn bản, Nói và nghe (xem bảng 10)

**Bảng 10. Chức năng và định hướng hoạt động viết văn bản, nói và nghe**

	<b>Viết</b>	<b>Nói và nghe</b>
<b>Chức năng</b>	Dạy học cách tìm hiểu và nắm tri thức về kiểu bài.	Dạy học cách xác định yêu cầu của kiểu bài nói.
	Dạy học cách đọc, phân tích “mẫu”, cách đáp ứng yêu cầu đối với kiểu bài qua “mẫu”.	Dạy học cách trình bày, thể hiện ý tưởng bằng lời nói, điệu bộ,... đồng thời dạy cách nghe và cách phản hồi về những gì đã nghe.
	Dạy học các bước tạo lập VB: Chuẩn bị viết; Tim ý, lập dàn ý và cách Viết bài.	Dạy học các bước thực hiện bài nói: Chuẩn bị nói (Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói, Tim ý, lập dàn ý, Luyện tập); Trình bày bài nói.
	Dạy học cách đánh giá/ tự đánh giá (đọc lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).	Dạy học cách Trao đổi, đánh giá.

<b>Định hướng</b>	Hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu <i>Tri thức về kiểu bài</i> .	Hướng dẫn HS thực hiện các bước (1) bao gồm khâu <i>Luyện tập</i> ở nhà.
	Hướng dẫn HS đọc, quan sát VB tham khảo, trả lời các câu hỏi.	Hướng dẫn HS trình bày bài nói trên lớp.
	Hướng dẫn HS tìm hiểu thảo luận, trình bày cách thức thực hành các bước chuẩn bị, tìm ý lập dàn ý (thảo luận nhóm, trình bày sản phẩm,...).	Hướng dẫn HS về yêu cầu và cách thực hiện bước <i>Trao đổi, đánh giá</i> trên lớp.
	Hướng dẫn HS viết bài ở lớp (1 đoạn/cá bài) hoặc ở nhà; sau đó tiến hành bước đọc lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.	Hướng dẫn HS thực hiện trao đổi đánh giá cả “trong vai trò người nghe” và “trong vai trò người nói”.

### 3.2.5. Ôn tập

- Chức năng: giúp HS củng cố các kiến thức về đọc, viết, nói nghe, kiến thức về chủ điểm bài học, suy ngẫm về câu hỏi lớn ở đầu bài học và tìm câu trả lời.
- Định hướng: GV cho HS làm cá nhân hoặc nhóm, sau đó trình bày trên lớp.

## 4. PHƯƠNG PHÁP, BIỆN PHÁP DẠY HỌC

### 4.1. Định hướng phát triển năng lực trong dạy học Ngữ văn

Môn Ngữ văn, cũng như các môn học khác, trong CTGDPT tổng thể 2018 có mục tiêu phát triển các phẩm chất, năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học trên cơ sở phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Cốt lõi của năng lực là khả năng hành động, khả năng giải quyết vấn đề. Vì thế, để thực hiện chương trình giáo dục HS trở thành người có khả năng hành động, giải quyết vấn đề, chúng ta cần phải thay đổi cả cách dạy lẫn cách học. Trong đó, thay đổi cơ bản là phải chuyển từ cách dạy truyền thụ kiến thức sang hướng dẫn, tổ chức cho HS qua hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ học tập. Việc đổi mới trong dạy học Ngữ văn cũng không ngoài định hướng đó.

Dưới đây là một số gợi ý về phương pháp dạy học, biện pháp tổ chức hoạt động đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển năng lực của HS.

### 4.2. Dạy đọc hiểu văn bản

Để hướng dẫn HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc VB, GV cần phối hợp sử dụng các phương pháp và biện pháp dạy học, trong đó nên chú trọng một số phương pháp dưới đây.

#### 4.2.1. Thuyết trình

Phương pháp thuyết trình khi được GV sử dụng, cần hết sức ngắn gọn, chọn lọc ở một số thời điểm của bài dạy đọc. Chẳng hạn, thuyết trình khi giới thiệu tri thức đọc hiểu, tóm tắt, định vị VB trong một ngữ cảnh bao quát, tổng hợp ý kiến của HS, đưa ra lời bình hay đáp án tham khảo cho một câu hỏi khó,...

#### **4.2.2. Thị phạm kĩ năng đọc, cách đọc**

Để đọc hiểu được một VB, người đọc phải sử dụng đồng thời nhiều loại kĩ năng: *đọc lướt, theo dõi, liên tưởng, tưởng tượng, truy xuất kiến thức nền, suy luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, dự đoán, kiểm soát cách hiểu, ...* Đây đều là những kĩ năng mới được chú ý áp dụng trong lần thay sách này, còn khá mới lạ đối với HS lớp 10. Cách nhanh nhất giúp HS thực hiện các kĩ năng này là GV thị phạm về kĩ năng đọc<sup>1</sup> cho HS quan sát.

Cách thực hiện như sau:

- GV chọn một/ hai kĩ năng được cài đặt trong SGK, giải thích ngắn gọn về kĩ năng đó;
- Chọn một đoạn trong VB (có thể chiếu trên màn hình, hoặc giữ cao trang SGK cho cả lớp thấy), chọn một từ ngữ, hình ảnh hay một câu văn;
- Đọc to đoạn đó và gạch chân/ đánh dấu vị trí mà GV định làm mẫu;
- Nói to những suy nghĩ trong đầu mình khi đọc.

Ví dụ, với kĩ năng “Dự đoán”, khi đọc VB *Gặp Ka-rip và Xi-la*. Trước khi gặp hai quái vật biển này, Ô-đi-xê và thủy thủ phải đổi phó với các nàng Xi-ren. Về cách đổi phó, họ cần làm theo lời khuyên của Xi-iếc-xê. Câu hỏi dự đoán: *Ô-đi-xê và các bạn đồng hành đã thực hiện lời khuyên của Xi-iếc-xê như thế nào?*

- + *Có bit tai thủy thủ bằng sáp ong không?*
- + *Có trói chặt Ô-đi-xê vào cột buồm không?*
- + *Phản ứng của Ô-đi-xê như thế nào khi nghe tiếng hát của các nàng Xi-ren?,...*
- + ...

GV có thể lưu ý thêm: việc dự đoán có đúng, có sai nhưng đúng hay sai đều giúp ích cho việc hiểu VB, chẳng hạn: giúp ta hiểu tiếng hát của Xi-ren có sức quyến rũ ghê gớm như thế nào và/ hoặc giúp chú ý hơn đến đặc điểm tính cách thích phiêu lưu của người anh hùng sử thi.

Sau đó, GV dành ít phút cho HS thực hành kĩ năng đọc tương tự trong nhóm, và cá thể HS lần lượt vừa đọc VB (bằng mắt) vừa thực hiện kĩ năng đọc.

Phương pháp thi phạm dĩ nhiên còn có thể áp dụng trong việc hướng dẫn HS luyện kĩ năng đọc thơ với yêu cầu ngắt nhịp đúng chỗ<sup>2</sup> theo yêu cầu tiết tấu riêng của thể loại. Cũng là thi phạm, nhưng trong trường hợp này, GV chỉ cần dùng chính giọng đọc và cách ngắt nhịp đúng chỗ của mình.

<sup>1</sup> Thị phạm về kĩ năng đọc là cách GV vừa đọc VB, vừa nói to những gì mình cảm nhận, suy nghĩ trong đầu (cảm xúc, hình dung, suy đoán,...) về VB. Bằng cách này, GV giúp cho HS quan sát, theo dõi được cách mà một người đọc có kĩ năng sử dụng trong quá trình đọc.

<sup>2</sup> Thực ra, cách ngắt nhịp thơ cũng khá tự do, nhưng có những điểm ngắt nhịp rất xác định và có tính bắt buộc (ví dụ nhịp của những câu thơ 7 chữ bắt buộc ngắt chẵn trước, lẻ sau kiểu *Dốc lên khúc khuỷu/ dốc thăm thẳm: 4/3; nhịp của những câu thơ 7 chữ trong thơ song thất lục bát bắt buộc ngắt lẻ trước, chẵn sau kiểu Trống Tràng thành/lung lay bóng nguyệt: 3/4*). Đây chính là những chỗ GV cần làm mẫu hoặc sửa cho HS.

#### **4.2.3. Đàm thoại gợi mở**

Sự đa dạng về cách hiểu VB giúp HS có cơ hội thể hiện và tiếp nhận những cách nhìn khác nhau về VB, làm cho giờ học thêm hứng thú. Vì thế mà trong giờ đọc hiểu VB, vai trò của GV là tổ chức, hướng dẫn HS từng bước trải nghiệm, khám phá tri thức thông qua hệ thống câu hỏi. Đây là cách dạy hiệu quả, giúp HS chủ động kiến tạo tri thức về VB, về thể loại, về cuộc sống, qua đó hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, đồng thời đạt được những yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu VB theo mục tiêu của CTGDPT tổng thể, môn Ngữ văn (2018).

Câu hỏi cần được sử dụng thích hợp với nhiều cấp độ tư duy khác nhau. SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* quy hệ thống câu hỏi thành ba loại chính: câu hỏi nhận biết; câu hỏi phân tích, suy luận; câu hỏi đánh giá, vận dụng.

**Câu hỏi nhận biết:** Đây là loại câu hỏi hướng dẫn HS tìm những thông tin, chi tiết, từ ngữ, hình ảnh quan trọng, hiển thị trên VB. Việc tìm, xác định các thông tin, hình ảnh, từ ngữ, sự kiện là bước đầu tiên, rất quan trọng trong tiến trình đọc, chuẩn bị cơ sở để phân tích, suy luận kiến tạo nghĩa, ý nghĩa cho chính các chi tiết, từ ngữ, hình ảnh đó.

Ví dụ:

- Liệt kê một số chi tiết nói về không gian, thời gian của câu chuyện. (với VB *Thần Tru Trời*)
- Xác định bối cảnh của bài thơ và nội dung chính của từng phần. (với VB *Tây Tiến*)
- ...

#### **Câu hỏi phân tích, suy luận:**

Đây là loại câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu, khám phá, suy đoán những tầng ý nghĩa ẩn dưới bề mặt ngôn từ của VB, hướng dẫn HS sử dụng kiến thức nền của bản thân để giải mã và kiến tạo nghĩa cho các chi tiết, từ ngữ, hình ảnh mà HS đã tìm ra trước đó. Sâu xa hơn, nhóm câu hỏi này còn giúp HS khám phá mối liên hệ giữa các chi tiết, sự kiện, từ đó hiểu nhận ra tính chỉnh thể của VB và ý nghĩa, thông điệp của VB.

Đây là loại câu hỏi mà GV cần sử dụng nhiều và phát huy tác dụng của chúng trong quá trình dạy đọc VB. Tuy vậy, cần lưu ý những câu hỏi này thường không có một đáp án duy nhất đúng. GV cần giúp HS nhận ra rằng: khi đưa ra những cách hiểu khác nhau, HS phải chứng minh, lý giải được cách hiểu của mình, các ý kiến ấy sẽ được tôn trọng và khích lệ. Dạng câu hỏi phân tích, suy luận rất đa dạng. Lệnh dùng cho các câu hỏi này thường gắn với yêu cầu “phân tích”, “giải thích”, “vì sao”, “có tác dụng gì”,...

Một số ví dụ:

- Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra *Prô-mê-tê và loài người* là một truyện thần thoại? (với VB *Prô-mê-tê và loài người*)
- Tìm hiểu nghĩa của từ “duyên” trong bài thơ, từ đó nêu cách hiểu của bạn về nhan đề *Thơ duyên*. (với VB *Thơ duyên*)
- Đăm Săn và Mtao Mxây đều là những tù trưởng tài giỏi, nhưng VB trên đã cho thấy, người xứng đáng được xem là anh hùng của cộng đồng chỉ có thể là Đăm Săn. Hãy so sánh hai nhân vật để làm rõ điều đó. (với VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*)

– Nhận xét về tác dụng của sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong VB trên. (với VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam*)

– ...

### Câu hỏi đánh giá, vận dụng và đọc sáng tạo:

Các đánh giá thường dựa trên những liên hệ, so sánh.

Đọc không phải chỉ để hiểu mà còn để đánh giá những cái hay của VB và những vấn đề của cuộc sống mà VB gợi lên, do vậy, cần hướng dẫn HS đánh giá những cái hay, thậm chí cái chưa hoàn chỉnh của VB, tránh thói quen tiếp nhận VB một cách lười biếng, một chiều.

Quá trình đọc cũng là quá trình người đọc phải sử dụng tri thức nền của mình để hiểu VB đồng thời để nhận thấy VB có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của mình. Vì thế, cần hướng dẫn HS liên hệ những vấn đề đặt ra trong VB với cuộc sống, liên hệ VB này với VB khác, liên hệ với bản thân để hiểu VB, hiểu cuộc sống và hiểu bản thân và qua đó, hiểu VB hơn.

Dạng câu hỏi đánh giá, vận dụng cũng rất phong phú. Lệnh của câu hỏi thường sử dụng các cụm từ liên quan đến yêu cầu đánh giá, liên hệ, kết nối, vận dụng. Ví dụ:

– Qua truyện *Thần Trụ Trời* và truyện *Prô-mê-tê và loài người*, bạn có nhận xét gì về nội dung của các truyện thần thoại thuộc hai nền văn hóa khác nhau?

Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong VB trên có ưu thế gì so với ngôi thứ ba? (với VB *Gặp Ka-rip và Xi-la*)

– Xung quanh việc Giang đột nhiên nhận “anh bộ đội” mới gặp lần đầu là bạn học của cô và “phía” ra cái tên Hùng để giới thiệu anh với bố của mình, sau đó lại dùng xe đạp của bố để đưa anh về đơn vị,... có những ý kiến khác nhau. Một số người cho rằng, Giang xử sự như thế là phù hợp với tình huống, hoàn cảnh cụ thể; một số khác lại phủ nhận điều đó. Hãy cho biết ý kiến của bạn.

– ...

Ngoài ra, sách cũng tạo cơ hội để HS phát huy sở trường, năng khiếu riêng trong trải nghiệm và tiếp nhận tác phẩm văn học đồng thời kết nối với việc học Chuyên đề học tập *Ngữ văn 10* trong điều kiện cho phép bằng cách nêu thêm một số “bài tập sáng tạo” (có đánh dấu \*). Chẳng hạn:

– \* **Bài tập sáng tạo:** Hình tượng Mặt Trời trong thần thoại, sử thi hoặc một số tác phẩm thơ ca nổi tiếng thường là biểu tượng cho những gì cao quý, tốt đẹp như sự khai sáng, sự tái sinh, vẻ đẹp hoàn hảo, vĩnh hằng,... Lấy cảm hứng từ một trong những ý nghĩa biểu tượng ấy, bạn hãy làm một bài thơ, vẽ một bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh,... (Bài 2).

– \* **Bài tập sáng tạo:** Vẽ một bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vỏ chèo *Quan Âm Thị Kính* hoặc Vẽ tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vỏ tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* (Bài 5).

– \* **Bài tập sáng tạo:** Hãy sử dụng một trong những cách sau đây: ngâm thơ, đọc diễn cảm, hoạt cảnh sân khấu hoá, vẽ tranh, phô nhạc,... để thể hiện cách cảm nhận của mình về bài thơ (Bài 6).

– \* **Bài tập sáng tạo:** Giả sử sau ba mươi năm, “anh bộ đội” năm xưa và Giang tình cờ gặp lại nhau, câu chuyện giữa hai người cần được kể thêm một đoạn. Nếu được tác giả ủy quyền, bạn sẽ viết tiếp câu chuyện như thế nào? Bạn có thể triển khai ý tưởng bằng nhiều hình thức dưới dạng một tranh vẽ, một bài thơ, một đoạn văn tự sự,... (Bài 8).

#### **4.2.4. Tổ chức thảo luận, tăng cường tương tác trong giờ học**

Cùng với việc sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, GV cũng có thể tổ chức cho HS thảo luận tương tác cởi mở trong giờ học. Từ tính đa nghĩa của VB, HS đọc, kiến tạo, hiện thực hoá tác phẩm văn học cho bản thân. Đó là một quá trình tự trải nghiệm và tương tạo phức tạp giữa HS với VB. Do vậy, có những khác biệt trong kết quả đọc hiểu của HS này với HS khác là hiển nhiên và thường làm nảy sinh nhiều vấn đề, ý kiến mà việc trao đổi, thảo luận trong lớp học là cần thiết và hữu ích cho tất cả mọi người.

Khi một vấn đề được nêu lên, qua thảo luận, HS có điều kiện tự bổ sung, điều chỉnh cách hiểu về VB của bản thân. Mặt khác, cũng giúp HS nhận thấy với một VB, những người đọc khác nhau ắt phải có nhiều cách hiểu khác nhau. Trước thực tế đó, HS cần biết chấp nhận các cách hiểu khác, nếu thấy là có cơ sở. Trái lại, đối với cách hiểu thiếu cơ sở, HS cần mài sắc lì lẽ, bằng chứng để bác bỏ một cách thuyết phục.

Một số nội dung/ loại vấn đề có thể nêu cho HS thảo luận:

– Các vấn đề liên quan đến nội dung và hình thức nghệ thuật của VB như: ý nghĩa của hình ảnh, biểu tượng, hình tượng nghệ thuật, quan điểm, lẽ sống, cách hành xử của nhân vật, quan điểm, thái độ của tác giả trong VB, các giá trị về tư tưởng và thẩm mĩ mà VB mang lại; cách xây dựng nhân vật, cách kể chuyện, các biện pháp nghệ thuật và tác dụng chúng;...

– Các vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên. Ví dụ: vấn đề giới, tình bạn, ứng xử trong gia đình, sử dụng mạng xã hội,...

– Các vấn đề nảy sinh từ phát ngôn của ai đó khác biệt, độc đáo hoặc có tác dụng làm nóng không khí chung trong trường, trong lớp và ngoài xã hội ít nhiều có liên quan đến việc hiểu VB hoặc dùng VB để hiểu vấn đề của đời sống.

– ...

Hình thức tổ chức thảo luận, tương tác trong lớp học cũng cần linh hoạt. Có thể tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm 2 HS, nhóm 4 – 5 HS, thảo luận chung trong lớp. Sản phẩm, ý kiến của cá nhân hay các nhóm có thể được trình bày bằng lời hoặc bằng VB trên giấy khổ lớn; cá nhân, đại diện các nhóm khác theo dõi để góp ý, nhận xét,... Những ý kiến khác biệt, độc đáo hoặc cách lí giải thú vị, thuyết phục,... cần được GV và lớp học ghi nhận, tôn trọng, khích lệ đúng mức.

#### **4.2.5. Hướng dẫn HS kết hợp thực hành viết trong quá trình đọc**

Viết ngắn, viết nhanh<sup>1</sup> trong và sau khi đọc là một cách phản hồi tích cực, hiệu quả trong đọc hiểu VB. Đây cũng là cách giúp HS thể hiện và lưu giữ ý tưởng bằng việc viết nhanh lên giấy hay màn hình, qua đó, tích hợp đọc với viết, đọc, viết với tiếng Việt. GV có thể hướng dẫn viết ngắn bằng nhiều hình thức để HS thực hiện ở nhà hoặc trên lớp:

- Ghi những ý tưởng này sinh trong quá trình đọc lên trên những miếng giấy nhỏ (take – note), dán vào trang sách;
- Viết đoạn văn sau khi đọc VB trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về VB hoặc sáng tạo thêm một đoạn viết về nhân vật hoặc viết lại cái kết của VB;
- Vẽ sơ đồ kết cấu, sơ đồ tính cách nhân vật, sơ đồ so sánh hai nhân vật, sự kiện, cảnh,...; vẽ tranh thể hiện sự tưởng tượng của mình về nhân vật, sự kiện hoặc cảnh vật được miêu tả trong VB;
- Viết nhật ký đọc sách;
- ...

Những gì HS viết, vẽ... có thể được sử dụng để trao đổi, thảo luận trong giờ đọc hiểu VB đồng thời được tập hợp vào một hồ sơ học tập để làm căn cứ, minh chứng đánh giá quá trình học tập của HS.

#### **4.2.6. Đóng vai**

Một trong những hình thức trải nghiệm VB sinh động, thú vị là hoá thân vào nhân vật để hiểu nhân vật, hiểu các tình huống cụ thể của đời sống, của tác phẩm và tự phát hiện bản thân. Trong giờ đọc hiểu VB, GV nên tổ chức cho HS diễn kịch, đóng vai để tạo cho HS cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong một môi trường giả định an toàn. Khi diễn kịch, đóng vai, HS có cơ hội học cách ứng xử, trải nghiệm những cảm xúc khác nhau, phát triển trí tưởng tượng sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, đồng thời giúp phát triển trí thông minh cảm xúc của mình. Qua đó, HS tiếp nhận kiến thức một cách chủ động, sáng tạo, hứng thú. GV có thể tổ chức cho HS:

- Phân vai, đọc diễn cảm một tác phẩm, thể hiện cảm xúc, tính cách nhân vật bằng giọng đọc.
- Tưởng tượng mình là một nhân vật trong VB để hình dung nếu mình ở trong hoàn cảnh của nhân vật đó thì mình sẽ giải quyết vấn đề như thế nào, sẽ có những cảm xúc, suy nghĩ gì.
- Mời một HS đóng vai nhân vật hoặc đóng vai tác giả để những HS khác với vai trò là người đọc, nêu câu hỏi cho nhân vật hoặc tác giả.
- Sân khấu hoá một đoạn trích trong một VB văn học.

Cũng cần nói thêm rằng: các phương pháp nêu trên, thực ra không hề xa lạ với GV và HS; khi có điều kiện, nhiều thầy cô đã sử dụng rất hiệu quả linh hoạt. Tuy nhiên, với Chương trình Ngữ văn 2018, bám chắc định hướng phát triển năng lực, các phương pháp này cần được tiếp tục phối hợp sử dụng nhằm đáp ứng tốt các YCCĐ của việc dạy đọc.

<sup>1</sup> SGK Ngữ văn 10, bộ Chân trời sáng tạo gọi hoạt động này trong bài học trên lớp là *Từ đọc đến viết*. Tuy nhiên, trong trường hợp này, "viết ngắn" được hiểu rộng hơn: viết nhanh ra giấy ý tưởng cảm nhận trong và sau khi đọc sách nói chung, kể cả khi đọc ở nhà, trong thư viện,...

### **4.3. Dạy viết theo kiểu văn bản**

Để có thể tạo lập một VB, người viết cần có nhiều loại kiến thức như kiến thức về đề tài cần viết, kiến thức về cách thức tạo lập VB, kiểu loại VB, cách hành văn và giao tiếp với người đọc. Cũng như đọc – tiếp nhận, viết – tạo lập là một hoạt động tư duy phức tạp. Vì thế, dạy tạo lập VB không nên và không thể nóng vội. HS cần phải được dạy theo quy trình, theo thao tác và thực hành luyên tập thường xuyên. Về phương pháp, GV trợ giúp, hướng dẫn HS bằng nhiều cách: thuyết trình, phân tích mẫu, làm mẫu, hướng dẫn quy trình, thao tác viết,...

#### **4.3.1. Thuyết trình**

Ngay cả trong dạy viết, có những thời điểm bài học cũng cần đến lời thuyết trình, diễn giảng của GV, nhất là khi thời gian có hạn, không tiện/ không cần thực hiện đàm thoại, thảo luận. Chẳng hạn: các thời điểm: giới thiệu *Tri thức về kiểu bài*, chốt lại các bước trong quy trình viết, nhận xét tổng hợp về bài viết của HS, ... là những thời điểm GV có thể thuyết trình. Dĩ nhiên, cần thuyết trình rất gãy gọn, dễ hiểu, kết hợp phân tích ví dụ minh họa và nêu câu hỏi nhằm tác động đến trí não của HS.

#### **4.3.2. Phân tích kiểu văn bản**

Trong Chương trình Ngữ văn 10, HS được yêu cầu thực hành viết nhiều kiểu VB: *Viết VB phân tích đánh giá chủ đề, những điểm đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của chúng trong một tác phẩm/ đoạn trích VB văn học* (truyện, thơ, kịch, sử thi,...); *Viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội; Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm; Viết bài luận về bản thân; Viết bản nội quy hay hướng dẫn nơi công cộng*. Nhằm hỗ trợ cho hoạt động thực hành viết các kiểu VB như vậy, SGK đã đưa ra các “Bài viết tham khảo”<sup>1</sup> cho mỗi kiểu VB. Vì thế, GV cần hướng dẫn HS đọc, phân tích kiểu VB trong sự đổi chiều với yêu cầu để học cách viết (theo lối trực quan) từ các bài viết tham khảo ấy.

GV có thể thực hiện *phân tích kiểu VB* theo các bước sau :

##### *Bước 1: Hướng dẫn phân tích kiểu VB*

Chia HS thành từng nhóm nhỏ, yêu cầu đọc toàn bộ VB tham khảo, sau đó GV cho HS lần lượt thảo luận các câu hỏi hoặc điền vào các phiếu học tập, nhằm:

- Nhận biết cấu trúc chung của kiểu VB (với mở bài, thân bài, kết bài).
- Quan sát, nhận biết đặc điểm, cách viết ở từng phần VB.
- Xác định các đặc điểm, cách diễn đạt trong VB để nhận biết yêu cầu diễn đạt nói chung và diễn đạt trong các phần, đoạn quan trọng khi thực hành viết kiểu VB đó.

##### *Bước 2: Đổi chiều VB tham khảo với “Tri thức về kiểu bài”*

- Yêu cầu HS/ nhóm HS rút ra các đặc điểm chính về kiểu bài từ VB tham khảo.
- Đổi chiều VB tham khảo với các yêu cầu đổi với kiểu bài được tóm lược trong mục *Tri thức về kiểu bài* để nắm vững sơ đồ dàn ý và cách viết.

<sup>1</sup> “Bài viết tham khảo”: hình mẫu trực quan, không phải kiểu bài mẫu cho HS sao chép, nhưng cũng không nhất thiết đạt đến sự mẫu mực. Mục đích là để HS đổi chiều với yêu cầu và sơ đồ dàn ý kiểu bài để học cách viết tương tự.

(Xem bài viết tham khảo *Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện ngắn “Chó sói và chiên con” (La Phông-ten)* và câu hỏi phân tích VB này ở *Ngữ văn 10*, Tập một, bộ *Chân trời sáng tạo*, tr. 26).

#### **4.3.3. Thị phạm kĩ năng viết**

Tạo lập VB là một quá trình tư duy – thực hành phức tạp, bao gồm nhiều khâu, nhiều thao tác cần được *thị phạm - trực quan hóa*. GV – trong tư cách một người viết có kinh nghiệm – cần sử dụng thuần thực phương pháp làm mẫu, giúp HS “nhìn thấy” được chuỗi thao tác trong quá trình viết như trong một đoạn phim quay chậm. Điều mà HS cần “nhìn thấy”, “nghe thấy” là những suy nghĩ, lựa chọn diễn ra trong đầu của GV qua việc làm mẫu: phân tích xác định yêu cầu của đề, hình thành ý tưởng, tìm từ ngữ hình ảnh, diễn đạt thành lời, tẩy xoá, chỉnh sửa, … Giống như một GV toán trình bày cách giải bài toán của mình bằng lời nói để giúp HS “nhìn thấy” logic tư duy của mình, thị phạm với GV Ngữ văn, là nói to những suy nghĩ, cảm xúc, liên tưởng nảy sinh trong đầu mình; nói đến đâu làm đến đấy trong khi cố gắng tạo ra sản phẩm ngôn từ: một ý tưởng, một bối cảnh, một câu văn, đoạn văn, một luận điểm có lí lẽ, bằng chứng, mở bài, kết bài, chuyển tiếp, sự nhấn mạnh, sự lướt qua, …

Trong quá trình thị phạm kĩ năng viết, GV nên thực hiện theo các bước:

##### *a. Chuẩn bị*

- Giải thích mục đích của việc GV thị phạm là để HS học cách viết tương tự.
- Nói rõ kĩ năng mà GV sẽ thị phạm cho HS, ví dụ “hôm nay chúng ta sẽ học cách triển khai luận điểm trong bài văn nghị luận”, …
- Yêu cầu HS chú ý nghe những gì GV nói, quan sát các hoạt động viết của GV, ghi lại những gì HS quan sát được về cách tạo lập VB, ví dụ: “cô giáo đã lập dàn ý bằng cách, …”.
- Chọn một phương diện cụ thể của kiểu loại VB để thị phạm, ví dụ: cách viết mở bài cho một bài văn nghị luận, cách triển khai một luận điểm. Nếu thị phạm cách viết toàn bộ một bài văn trong một tiết thì sẽ gây quá tải cho HS.

##### *b. Thị phạm*

– GV cần nói to, rõ ràng cách thực hiện từng yếu tố của VB, ví dụ như những suy nghĩ về yêu cầu của đề, những ý tưởng nảy sinh trong đầu, làm sao thể hiện những ý tưởng thành dàn ý, chọn lựa cách viết mở bài, chọn từ ngữ này hay từ ngữ kia, … HS cần được nhìn thấy rõ ràng tiến trình tạo lập VB qua việc nghe những lời nói của GV đồng thời quan sát từng hành động viết của GV. Ví dụ, vừa viết, GV vừa nói:

- + *Viết câu mở bài thế nào cho hấp dẫn người đọc nhất?*
- + *Đến đây, thầy/ cô sẽ xuống dòng, chuyển qua một đoạn khác.*
- + *Thầy/ cô nghĩ là thầy/ cô phải nhìn lại dàn ý xem có bỏ sót ý nào không?*
- + *Có lẽ là cần thay thế từ “...” bằng từ “...” thì mới phù hợp.*
- + ...

– Dùng máy chiếu hoặc bảng phụ để vừa viết vừa nói to những suy nghĩ của mình khi viết. Điều này giúp HS nhìn rõ những ý tưởng của GV đang được thể hiện như thế nào trên trang giấy, kể cả những phút ngập ngừng để suy nghĩ tiếp, để tìm từ thích hợp, những đoạn viết ra xong lại xoá đi, cách chọn ý nào là luận điểm, cách đưa dẫn chứng chứng minh cho luận điểm,...

#### c. Giao nhiệm vụ tương tự và hướng dẫn học sinh thực hành

– Yêu cầu HS nhắc lại những gì họ nghe và quan sát được về cách tạo lập VB của GV, những kinh nghiệm mà HS rút ra được sau khi quan sát và có thể vận dụng khi thực hiện một công việc tương tự.

– Yêu cầu HS thực hiện một thao tác, một công việc, một đề tài tương tự, gần gũi, vừa sức với HS. GV cùng HS từng bước thực hiện theo các câu hỏi khơi gợi, hướng dẫn HS, tóm tắt ý của HS, trình bày các ý đó lên bảng,... vừa với vai trò hướng dẫn, vừa với vai trò một thư ký.

– GV yêu cầu HS thực hành viết theo nhóm; sau đó, cho từng HS thực hành viết.

#### 4.3.4. Hướng dẫn quy trình viết

GV hướng dẫn HS viết VB theo quy trình đã nêu trong SGK *Ngữ văn 10*, với hầu hết các kiểu VB: 1) *Chuẩn bị viết* (xác định đề tài, mục đích viết, người đọc mà VB hướng tới, thu thập tư liệu); 2) *Tìm ý, lập dàn ý*; 3) *Viết bài*; 4) *Xem lại và chỉnh sửa*.

“Viết là một tiến trình” nội tại của chủ thể viết HS với nhiều công đoạn. GV không áp đặt quan điểm của mình, không làm thay HS bất kì công đoạn nào (kể cả lập dàn ý). Ở đây HS là phải là người “làm”, tự mình thực hiện tất cả các khâu để có sản phẩm (sản phẩm từng khâu, từng phần và sản phẩm VB) với sự trợ giúp của GV và sự tương tác của các thành viên trong nhóm, trong lớp.

Để có được thành công, GV phải tạo ra môi trường học tập thoải mái, không tạo áp lực cho HS, khuyến khích, trợ giúp họ trong suốt tiến trình viết. Sản phẩm của HS cần được thảo luận xem họ có thể làm gì để bài viết tốt hơn. GV cần làm cho HS hiểu rằng hoạt động viết là hoạt động tiếp diễn, sự thay đổi, phát triển ý tưởng tiếp tục xảy ra cho đến sản phẩm cuối cùng.

Nhiệm vụ của HS không chỉ là tạo lập VB mà còn là phản hồi, tự đánh giá, đánh giá bài viết của bạn, chỉnh sửa nhiều lần để tạo ra VB tốt hơn.

Từng bước trong quy trình viết VB đã được SGK *Ngữ văn 10* bộ *Chân trời sáng tạo* hướng dẫn khá tỉ mỉ. GV căn cứ vào đó để hướng dẫn HS thực hiện. Ở đây, xin lưu ý thêm một số điểm.

#### a. Phát huy tính mở, tính thực tiễn của đề bài

– Đề bài cần phải gắn với những vấn đề của thực tế, nằm trong tầm quan tâm, nhận thức của HS, để HS có khả năng vận dụng kiến thức nền đã có vào tạo lập VB, đồng thời, hình dung được bối cảnh, mục tiêu, đối tượng giao tiếp. GV khuyến khích HS suy nghĩ tự chọn đề tài/ vấn đề mà mỗi người quan tâm, hứng thú, mong muốn được chia sẻ.

– Đề tài phải có tính mở, tức là gợi ra nhiều khả năng, cơ hội để HS lựa chọn.

Ví dụ (đề nghị luận văn học, Bài 3, tr.75):

### Đề bài:

Hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ (thơ lục bát, thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt).

#### Bước 1: Chuẩn bị viết

##### Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc

Nên chọn phân tích, đánh giá bài thơ đáp ứng những tiêu chí như:

- Được bản thân và nhiều bạn khác yêu thích.
- Có chủ đề và những điểm đặc sắc về hình thức nghệ thuật dễ nhận thấy.
- Có độ dài phù hợp.

Trả lời các câu hỏi sau để xác định mục đích viết, người đọc: *Việc viết văn bản này nhằm mục đích gì? Ai sẽ là người đọc văn bản?*

##### Thu thập tư liệu

Phạm vi lựa chọn của bạn khá rộng. Đó có thể là:

- Một bài ca dao.
- Một bài thơ bát cú, một bài thơ tứ tuyệt (hay thơ bốn câu).

Bạn cần quyết định chọn một bài thơ, đoạn thơ trong các trường hợp trên làm đối tượng phân tích đánh giá, đồng thời tìm đọc một số bài viết liên quan.

HS được hướng dẫn xác định đề tài, mục đích viết, người đọc, thu thập tư liệu như sau:

#### b. Hướng dẫn HS thực hành viết theo quy trình theo đề bài mở

Ví dụ (đề nghị luận ở Bài 2, tr.56):

### Đề bài:

Hãy viết văn bản nghị luận trình bày ý kiến về một trong những vấn đề sau:

- Tầm quan trọng của động cơ học tập;
- Ứng xử trên không gian mạng;
- Quan niệm về lòng vị tha;
- Thị hiếu của thanh niên ngày nay,...

*Ngữ văn 10* hướng dẫn HS các thao tác thực hành viết theo 4 bước: 1. **Chuẩn bị viết**, 2. **Tìm ý, lập dàn ý**, 3. **Viết bài**, 4. **Xem lại và chỉnh sửa**. Các bước 2, 3 được SGK hướng dẫn khá chi tiết, cụ thể như sau, tại tr.56 – 58:

## Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

### Tìm ý

Bạn nên tìm ý bằng cách nêu và trả lời một số câu hỏi dưới đây:

- Vấn đề cần được khẳng định hay bác bỏ hoặc kết hợp khẳng định với bác bỏ? Từ các câu trả lời đầu tiên này, lại đặt các câu hỏi cụ thể hơn để phát triển ý. Chẳng hạn, tìm ý cho vấn đề ứng xử trên không gian mạng, trước hết bạn cần phân ra các kiểu ứng xử của cư dân mạng thành hai loại hành vi: hành vi đúng đắn, hợp pháp và hành vi sai trái, quá khích, bất hợp pháp; với loại hành vi đúng thì khẳng định, với hành vi sai thì cần bác bỏ. Nhưng từ đây bạn lại đặt và trả lời tiếp các câu hỏi: *Thế nào là hành vi đúng đắn, hợp pháp và ngược lại? Khi mọi người hành xử đúng đắn thì có ích lợi gì cho cộng đồng? Có cách nào để tránh được những sai lầm, vi phạm luật pháp trên không gian mạng?*

- Cần có ít nhất mấy luận điểm? Sắp xếp luận điểm theo trình tự nào?
- Lí lẽ, bằng chứng nào cần có cho mỗi luận điểm?

### Lập dàn ý

Bạn sắp xếp nội dung các phần mở bài, thân bài, kết bài; các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong thân bài theo gợi ý trong mục Yêu cầu đối với kiểu bài (trang 54). Trong đó, cần tập trung phát triển dàn ý phần thân bài.

*Ví dụ:* Cũng với đề bài trên, nếu chọn vấn đề *Quan niệm về thần tượng* như ở ngũ liệu tham khảo trên đây, dàn ý phần thân bài có thể là:

1. Luận điểm thứ nhất: Thần tượng là gì, một hình mẫu như thế nào thì được xem là thần tượng? hoặc: Xác định cách hiểu đúng về thần tượng. (*Lí lẽ; bằng chứng*)
2. Luận điểm thứ hai: Vì sao có tình trạng ngộ nhận về thần tượng? hoặc: Giải thích lí do dẫn đến sự ngộ nhận về thần tượng. (*Lí lẽ; bằng chứng*)
3. Luận điểm thứ ba: Chúng ta cần đến thần tượng để làm gì? hoặc: Mục đích của việc tìm kiếm thần tượng; không phải chỉ để nhìn ngắm, tôn thờ mà còn để tự vươn lên. (*Lí lẽ; bằng chứng*)

## Bước 3: Viết bài

- Triển khai dàn ý thành đoạn, thành bài.
- Mỗi luận điểm nên trình bày thành một đoạn với lí lẽ và bằng chứng.
- Trong mỗi đoạn văn, cần có câu chủ đề nêu rõ nội dung luận điểm.
- Về trình tự, có thể đưa lí lẽ trước, bằng chứng sau hoặc nêu lí lẽ đến đâu, đưa bằng chứng đến đấy.
- Dùng các từ ngữ liên kết câu, liên kết đoạn để tạo sự mạch lạc cho bài viết, giúp người đọc dễ theo dõi các ý của bài viết.

Đặc biệt, sau khi viết bài, ở bước 4 (*Xem lại và chỉnh sửa*), sách cung cấp cho HS bảng kiểm. Bảng kiểm là một mẫu bảng tóm tắt một tổ hợp tiêu chí cơ bản để đánh giá bô cục, nội dung, hình thức và kĩ năng thực hiện bài viết/ VB theo yêu cầu đối với kiểu bài.

Cần nói thêm: Trước khi HS viết bài, GV cung cấp cho HS tiêu chí đánh giá VB hoặc bảng kiểm và giải thích rõ ý nghĩa của từng tiêu chí để giúp HS định hướng bài viết của mình. Bảng tiêu chí này được xây dựng dựa trên đặc điểm, yêu cầu của kiểu loại VB (kiểu bài nghị luận, kiểu bài kể chuyện,...).

Theo đó, các tiêu chí nêu trong “bảng kiểm” có hai chức năng: (1) hướng dẫn để HS biết cách làm; (2) công cụ để HS tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá lẫn nhau. Qua đó, HS có thể được hình thành và phát triển khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh. Tiêu chí còn là công cụ để GV đánh giá HS.

Ví dụ bảng kiểm dưới đây được cung cấp để HS tự kiểm tra đánh giá khi thực hiện đề viết VB nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (Đề bài nghị luận xã hội, Bài 2, tr.58):

#### **Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội**

	<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Đạt</b>	<b>Chưa đạt</b>
<b>Mở bài</b>	Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận.		
	Nêu ý nghĩa/ tính cấp thiết/ tầm quan trọng của vấn đề.		
<b>Thân bài</b>	Trình bày và làm rõ ý kiến qua ít nhất hai luận điểm chính.		
	Xem xét vấn đề từ nhiều phía.		
<b>Kết bài</b>	Thể hiện nhận thức, quan niệm, thái độ, lập trường của người viết về vấn đề nghị luận (trước các biểu hiện đúng/ sai/ tốt/ xấu,...).		
	Làm sáng tỏ vấn đề bằng các lí lẽ và bằng chứng.		
<b>Kĩ năng trình bày, diễn đạt</b>	Hướng đến nhận thức chung hoặc nêu giải pháp cho vấn đề.		
	Khẳng định lại về vấn đề, ý kiến đã trình bày.		
	Nêu ý nghĩa thực tiễn của vấn đề.		
	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

#### **4.4. Phát triển năng lực trong dạy Nói và nghe**

Nói – nghe là một trong các kỹ năng giao tiếp. Để nói, nghe hiệu quả, người nói và người nghe cần có nhiều loại kiến thức: kiến thức về chủ đề muốn nói, ngôn ngữ, hiểu biết về các loại văn phong của ngôn ngữ nói, đối tượng giao tiếp, cách giao tiếp với những đối tượng khác nhau, sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và viết, hiệu quả của cách phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Không chỉ học cách nói, nghe mà HS còn học cách giao tiếp có văn hoá.

HS học cách nói và nghe trong quá trình HS đọc và viết và trong tiết nói và nghe qua các hoạt động thảo luận, chia sẻ những gì đã đọc và viết. GV cần tổ chức cho HS đóng vai là người nghe, người nói để hình dung được cảm xúc, suy nghĩ của người nói, người nghe. Qua đó, không chỉ học cách nói mà còn học được cách dự đoán tâm lí người nghe, cách đồng cảm với người nói, học cách phản hồi người khác và phản hồi sao cho phù hợp.

##### **4.3.1. Dạy nói**

Khi dạy nói, GV cần:

- Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi: Người nghe của tôi là ai? Họ muốn biết những gì về điều tôi sẽ nói? Mục đích nói của tôi là gì? Từ đó, hướng dẫn HS xác định nội dung nói và cách nói.
- Hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài nói (dựa trên bài viết đã viết) về nội dung (trong trường hợp HS đã có bài viết thì hướng dẫn HS chuyển nội dung bài viết thành bài nói) và về cách nói (cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận).
- Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để kiểm soát bài nói của bản thân.

##### **4.3.2. Dạy nghe**

Khi dạy HS nghe, GV nên:

- Làm mẫu cách lắng nghe người nói bằng cách: nhìn vào mặt người nói, nêu câu hỏi cho người nói về những gì chưa rõ, nhắc lại điều người nói vừa trình bày để đảm bảo hiểu đúng ý người nói.
- Dùng mảnh giấy nhỏ ghi chép vắn tắt những gì đã nghe.
- Dùng bảng kiểm để góp ý cho bài nói của bạn bằng giọng điệu nhẹ nhàng và bằng những mẫu câu như: *Bài nói của bạn rất hay nhưng nếu có thể, bạn làm rõ thêm,... Nếu là tôi, tôi sẽ...; Nên chẳng bạn tập trung vào nội dung,...*

##### **4.3.3. Dạy nói – nghe tương tác**

Hướng dẫn HS:

- Kiên nhẫn chờ đến lượt mình nói, không ngắt lời người nói;
- Nói tiếp cuộc hội thoại bằng những câu hỏi, lời nhận xét, bổ sung gắn với chủ đề cuộc thảo luận/ tranh luận/ đối thoại;
- Tôn trọng người nói và những ý kiến khác biệt;
- Hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

*Lưu ý:* Bản thân cách nói của GV trong quá trình dạy chính là “mẫu” mà HS hàng ngày quan sát, học hỏi. Vì thế, GV phải học cách nói sao cho gãy gọn, rõ ràng, phù hợp đối tượng người nghe.

#### **4.5. Dạy tiếng Việt**

Việc dạy tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 không nhằm cung cấp kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ, mà nhằm phục vụ việc đọc hiểu và hỗ trợ HS trong tạo lập các loại VB. Do đó, ngữ liệu được sử dụng trong dạy học tiếng Việt cần được tích hợp với ngữ liệu đã được lựa chọn ở phần đọc hiểu. Điều này giúp HS gắn kết được các kiến thức ngôn ngữ vào quá trình tiếp nhận VB, từ đó có thể nâng cao năng lực đọc hiểu. Tuy nhiên, GV cũng có thể cân nhắc thêm việc những ngữ liệu gắn với thực tế sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hàng ngày để tạo hứng thú cho HS.

Ngoài ra, để việc dạy học các đơn vị kiến thức tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đạt hiệu quả, GV lưu ý đến việc tích hợp dạy tiếng Việt vào các hoạt động dạy học các kĩ năng khác như viết, nói và nghe.

Khi tổ chức dạy học tiếng Việt, GV cần chú ý đến trình độ tiếng Việt của HS để tận dụng, phát huy những mặt tích cực trong kĩ năng sử dụng tiếng Việt và hạn chế những mặt tiêu cực trong quá trình sử dụng ngôn ngữ của các em. Việc chú ý đến trình độ tiếng Việt của HS còn giúp định hướng sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp.

Với định hướng như vậy, việc tổ chức dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* nên được thực hiện với một số gợi ý sau:

##### **4.4.1. Dạy Tri thức thức tiếng Việt**

GV có thể sử dụng một số phương pháp, biện pháp sau:

- Phương pháp thuyết trình: GV dùng lời để thông báo, giới thiệu, giải thích cho HS về những đơn vị kiến thức mới được xác định ở phần *Tri thức Ngữ văn*.
- Phương pháp đàm thoại gợi mở: GV sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS phân tích các ngữ liệu mẫu để đi đến việc rút ra các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.
- Phương pháp trực quan: GV có thể kết hợp sử dụng thêm các phương tiện trực quan để hỗ trợ HS lĩnh hội kiến thức.

Ngoài ra ở phần này của bài học, GV có thể sử dụng thêm một số kĩ thuật như công nǎo, KWL để khơi gợi, huy động tri thức nền của HS về những đơn vị kiến thức tiếng Việt vốn có của HS.

##### **4.4.2. Dạy Thực hành Tiếng Việt**

Đối với những nội dung thực hành, GV có thể sử dụng một số phương pháp, biện pháp sau để tổ chức dạy học:

- Phương pháp đàm thoại gợi mở: GV có thể sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS giải quyết các bài tập thực hành hoặc dùng câu hỏi để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành của HS.

– Phương pháp dạy học hợp tác: GV có thể sử dụng kết hợp hình thức dạy học theo nhóm với dạy học cặp đôi để tổ chức cho HS thực hành, trao đổi, chia sẻ kết quả bài tập với nhau cũng như thực hiện việc tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng về mức độ thông hiểu và vận dụng kiến thức của HS.

– Phương pháp trò chơi: GV có thể tổ chức thực hành dưới hình thức trò chơi để kích thích động cơ, hứng thú học tập của HS.

Ngoài ra, GV có thể kết hợp với việc sử dụng một số kĩ thuật sau để làm cho phần thực hành thêm hấp dẫn, sinh động như kĩ thuật sử dụng phiếu học tập (thiết kế phiếu học tập từ những bài tập thực hành do SGK đề nghị theo định hướng sư phạm của GV), kĩ thuật khăn trải bàn đối với những bài tập mang tính “vấn đề”, kĩ thuật sơ đồ tư duy,...

#### **4.4.3. Dạy Viết ngắn/viết đoạn văn (mục Từ đọc đến viết)**

Đây là nội dung dạy học mang tính tích hợp cao: tích hợp kĩ năng đọc với viết, tích hợp nội dung tiếng Việt vào hoạt động đọc và viết. Vì vậy, GV có thể tổ chức nội dung dạy học theo những gợi ý dưới đây:

– Hướng dẫn HS viết theo hình thức cá nhân. Lưu ý HS việc vận dụng những nội dung của các giờ học về đọc hiểu VB trước đó và kiến thức tiếng Việt vừa học vào đoạn viết ngắn.

– Tổ chức cho HS chia sẻ, trao đổi đoạn viết với nhau theo hình thức cặp đôi hoặc công bố trên bản tin học tập của lớp.

– Hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng bằng bảng kiểm (checklist).

– Tổ chức nhận xét, đánh giá, sửa chữa một vài sản phẩm tiêu biểu.

– Nhắc nhở HS lưu giữ sản phẩm trong hồ sơ học tập của cá nhân.

Việc viết ngắn có thể được thực hiện tại lớp hoặc ở nhà tùy theo điều kiện thời gian của lớp học. Tuy nhiên, GV cần tổ chức nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm tiêu biểu trên lớp (có thể ngay trong tiết học tiếng Việt/ đầu tiết học Việt/ trong tiết Ôn tập)

### **5. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

#### **5.1. Sơ đồ, biểu bảng**

Kiến thức được lưu giữ dưới 2 dạng: ngôn ngữ và hình ảnh → sử dụng hình ảnh, sơ đồ sẽ giúp HS:

– Hiểu bài sâu hơn, nhận rõ mối quan hệ giữa các kiến thức.

– Cứng cỏi, nhớ lâu kiến thức.

– Rèn luyện năng lực khái quát, phân tích, so sánh, phân loại vấn đề.

Có nhiều loại sơ đồ, biểu bảng:

– Sơ đồ khái quát tính cách nhân vật;

– Sơ đồ các chi tiết về nhân vật;

– Sơ đồ diễn biến tâm trạng nhân vật;

– Sơ đồ mối quan hệ giữa các nhân vật, các sự kiện;

- Sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một bài học, một chương, một phần;
- Sơ đồ các yếu tố trong tác phẩm;
- Sơ đồ cấu trúc VB;
- Bảng tổng kết một chương, một học kì;
- Bảng so sánh các đơn vị kiến thức;
- ...

Định hướng sử dụng:

- Sử dụng sơ đồ, biểu bảng khuyết (khuyết nhiều: khó, ít: dễ) kèm theo câu hỏi.
- Cho các nhóm thảo luận, điền vào sơ đồ.
- Cho các nhóm trình bày sơ đồ, chỉnh sửa, đánh giá.
- Cho sơ đồ sai, HS chỉnh sửa, sắp xếp lại (Ví dụ: sơ đồ cốt truyện).

## 5.2. Hình ảnh

Khi sử dụng tranh ảnh khi dạy học đọc hiểu VB văn học, GV cần chú ý:

- Không lạm dụng vì đặc trưng của văn chương là tính hình tượng, chất liệu: ngôn từ, có tác dụng phát huy trí tưởng tượng của người đọc;
- Chỉ sử dụng trong trường hợp: những hình ảnh, sự vật xa lạ với HS để giúp HS hiểu rõ hơn hình tượng nghệ thuật của tác phẩm.

## 5.3. Yêu cầu đối với phương tiện trực quan

- Phù hợp với nội dung bài học, kết quả cần đạt.
- Có tính khái quát cao: tổng kết, tóm lược được các kiến thức cơ bản (sơ đồ, biểu bảng).
- Thể hiện được mối quan hệ giữa các phần, các yếu tố trong bài học, chương.
- Phân biệt các thông tin chính, phụ bằng màu sắc, kích cỡ của các kiểu hình, kiểu chữ, mũi tên.
- Diễn đạt ngắn gọn bằng các cụm từ, mệnh đề, kí hiệu.
- Cỡ hình, cỡ chữ đủ lớn.

# 6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

## 6.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong giáo dục nói chung, trong môn Ngữ văn nói riêng, nhằm các mục tiêu sau:

- Giúp HS nhận ra những gì mình đã đạt hoặc chưa đạt so với YCCĐ về phẩm chất và YCCĐ mà chương trình đã đề ra, để giúp HS điều chỉnh việc học và tiến bộ.
- Giúp GS tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động dạy học, từ đó điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm giúp HS đạt chuẩn chương trình.
- Giúp các nhà quản lý và phát triển chương trình nhận ra những điểm tốt/ chưa tốt để điều chỉnh chương trình và cách quản lý, đảm bảo chất lượng giáo dục.

## **6.2. Căn cứ đánh giá**

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các yêu cầu cần đạt về:

- Các phẩm chất chung, được thể hiện qua môn học;
- Các năng lực chung, đặc biệt là năng lực giao tiếp;
- Các năng lực chuyên biệt mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học.

## **6.3. Nội dung đánh giá**

Trong môn Ngữ văn, GV đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe. Cụ thể là:

### **6.3.1. Đánh giá hoạt động đọc**

Đo lường mức độ HS đạt yêu cầu về đọc hiểu nội dung, chủ đề của VB, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, kiểu VB, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa VB với đời sống.

### **6.3.2. Đánh giá hoạt động viết**

Đánh giá khả năng tạo lập các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh,... mà chương trình đã đề ra.

Đánh giá kỹ năng viết dựa vào các tiêu chí, bảng kiểm, được xây dựng dựa trên đặc điểm của kiểu bài, bao gồm nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...

### **6.3.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe**

Đánh giá khả năng HS nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kỹ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ.

Đánh giá khả năng nắm bắt nội dung do người khác nói, khả năng đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

## **6.4. Cách thức đánh giá**

Có hai hình thức đánh giá: thường xuyên và định kì.

### **6.4.1. Đánh giá thường xuyên**

Đây là hình thức đánh giá được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, thể hiện ở việc HS thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao: trả lời câu hỏi, thực hiện các phiếu học tập, trao đổi trong nhóm,...

#### **6.4.2. Đánh giá định kì**

Là hình thức được thực hiện ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối cấp học), gồm kiểm tra viết, kiểm tra nói.

Đối với đề kiểm tra viết VB văn học, cần hết sức cân nhắc việc sử dụng dạng đề trắc nghiệm, vì VB văn học là một thực thể mở và động, có thể có nhiều cách hiểu. Đối với kiến thức tiếng Việt và làm văn, GV có thể sử dụng đề trắc nghiệm.

Khi đánh giá kĩ năng đọc của HS, GV cần chọn những VB bên ngoài SGK nhưng đảm bảo độ dài và cùng thể loại với VB mà HS đã được học để có thể kiểm tra chính xác kĩ năng đọc hiểu VB của HS.

Khi đánh giá kĩ năng viết và nói nghe của HS, GV cần ra những đề mở, nằm trong tầm hiểu biết và quan tâm của HS để HS có đủ tri thức nền và hứng thú làm bài, đồng thời có cơ hội thể hiện cá tính và năng lực sáng tạo.

#### **6.5. Chủ thể tham gia đánh giá**

Bên cạnh việc GV đánh giá HS, GV cần hướng dẫn và tạo cơ hội cho HS được tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau thông qua bảng kiểm.

### **7. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO VIÊN VÀ NHỮNG ĐIỂM LƯU Ý TRONG VIỆC SỬ DỤNG SÁCH**

#### **7.1. Cấu trúc sách giáo viên**

Sách giáo viên *Ngữ văn 10* được thiết kế gồm 2 tập:

##### **Tập một**

Phần thứ nhất: Một số vấn đề chung

Phần thứ hai: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài cụ thể

Bài 1: TẠO LẬP THẾ GIỚI

Bài 2: SỐNG CÙNG KÍ ỨC CỦA CỘNG ĐỒNG

Bài 3: GIAO CẢM VỚI THIÊN NHIÊN

Bài 4: NHỮNG DI SẢN VĂN HÓA

Bài 5: NGHỆ THUẬT TRUYỀN THÔNG

##### **Tập hai**

Phần thứ hai: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài cụ thể (tiếp)

Bài 6: NÂNG NIU KỈ NIỆM

Bài 7: ANH HÙNG VÀ NGHỆ SĨ

Bài 8: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

Bài 9: KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO

## **7.2. Những điểm lưu ý trong việc sử dụng sách**

a. Về nội dung dạy học và cách tổ chức thực hiện đối với từng bài học cũng như từng nội dung, từng phần cụ thể, SGV chỉ gợi ý, không áp đặt; GV có toàn quyền xử lý nội dung kiến thức, kỹ năng được nêu trong chương trình và phân bố trong SGK để xây dựng kế hoạch bài học.

b. SGV bám sát SGK và luôn luôn bám sát mục tiêu của Chương trình Ngữ văn 2018. Đó là vì việc ra đề, kiểm tra đánh giá (cả thường xuyên và định kì) kết quả hoạt động học tập của HS theo định hướng phát triển năng lực đều căn cứ vào mục tiêu chương trình (hệ thống các YCCĐ, đã được phân bổ cho 9 bài học).

c. Mục tiêu bài học không phải chỉ có tác dụng định hướng cho việc dạy của GV mà còn định hướng việc học của từng cá nhân HS. Trước giờ học GV cần:

- Lưu ý HS đọc tìm hiểu mục tiêu bài học trước khi thực hiện dạy học;
- Thường xuyên nhắc nhở HS tự theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện từng YCCĐ trong suốt quá trình học tập của mình.

– Căn cứ *Ma trận YCCĐ – hệ thống câu hỏi đọc hiểu* đối với từng VB trong bài học để định hướng và tự giám sát các nội dung và việc tổ chức hoạt động dạy đọc hiểu của mình.

d. Tuỳ đối tượng HS và điều kiện dạy học cụ thể, GV có thể chủ động điều tiết về mặt thời gian trong việc hướng dẫn đọc hiểu các VB, phân bố, điều chỉnh lại hệ thống câu hỏi (xác định trọng tâm, điểm nhấn; thêm câu hỏi phụ,... thậm chí, trong trường hợp thật sự cần thiết, có thể thay ngữ liệu đọc, tức là thay một VB nào đó trong SGK bằng VB khác, tương đương với một hệ thống câu hỏi đọc hiểu tương đương). Tuy nhiên, không được hạ thấp yêu cầu của chương trình và đặc biệt, tuyệt đối không được để sót YCCĐ khi xây dựng kế hoạch và thực hiện bài dạy.

## **8. ƯU ĐIỂM VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 10 TRONG VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 2018**

Có thể tóm tắt một số ưu điểm và tính khả thi của bộ sách như sau:

### **8.1. Bám sát Chương trình Ngữ văn lớp 10 năm 2018, bao quát các mục tiêu của Chương trình Ngữ văn lớp 10 năm 2018**

Điều trước tiên, sách phải bảo đảm nguyên tắc: không để sót YCCĐ. Để bảo đảm được như vậy, với từng bài học, bài đọc, bài viết, nói và nghe,... nhóm biên soạn SGK *Ngữ văn 10* bộ *Chân trời sáng tạo* đều có thiết kế ma trận YCCĐ – câu hỏi, bài tập và thể hiện, cụ thể hoá ma trận trong từng phần của bài học, cũng như từng bài trong mỗi tập sách. Việc làm này cực kì quan trọng: YCCĐ của chương trình là chỗ dựa duy nhất vững chắc, tin cậy, cho việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS, bảo đảm cho HS làm các bài kiểm tra, bài thi kết thúc học kì, hết năm học và thi tốt nghiệp, thi đại học ở cuối cấp. (Chỉ cần bỏ sót một YCCĐ dù nhỏ cũng khiến HS bị khiêm khuyết về kỹ năng đọc, viết, các em sẽ rất bỡ ngỡ, khó khăn khi gấp đề thi/ đề kiểm tra yêu cầu thể hiện kỹ năng này).

## **8.2. Tích hợp triệt để, tự nhiên yêu cầu đọc hiểu theo thể loại và theo chủ điểm**

Hệ thống VB chọn lọc, đạt chuẩn; có tỉ trọng cân đối theo yêu cầu của chương trình; có VB kế thừa SGK hiện hành, có VB mới,... tiêu biểu về thể loại, vừa sức với HS lớp 10; nhiều VB hay hấp dẫn đối với người học.

Việc đọc hiểu theo thể loại được sách đặc biệt coi trọng: HS sẽ được thực hành đọc theo thể loại qua 3 vòng: đọc theo thể loại VB 1, đọc theo thể loại VB 2, đọc theo thể loại VB mở rộng. Cách tổ chức hoạt động đọc như thế có thể giúp bảo đảm được rằng: khi được giao cho một VB tương tự về thể loại cả về độ khó, độ dài, HS sẽ biết cách đọc và có khả năng tự đọc hiểu VB ấy mà không cần đến sự hỗ trợ trực tiếp của GV.

Hệ thống câu hỏi *Trước khi đọc, Đọc VB* (trong khi đọc), *Sau khi đọc* được xây dựng theo đặc trưng thể loại giúp HS vận dụng tri thức nền (*Tri thức Ngữ văn*) thực hành *đọc theo tiến trình* và hình thành phát triển kĩ năng tự đọc hiểu VB theo thể loại. (Việc tổ chức nhiệm vụ học tập về đọc xây dựng dựa trên hệ thống câu hỏi này sẽ được được gởi mở về cách thực hiện trong SGV).

Ở một số VB có tính điểm nhấn trong tập một, tập hai, sách có đưa thêm các *Bài tập sáng tạo* nhằm giúp HS có cơ hội thể hiện những trải nghiệm cùng kĩ năng, năng khiếu riêng của mình sau khi đọc hiểu VB (vẽ tranh, làm thơ, dựng hoạt cảnh, sân khấu hoá,...).

Tuy nhiên, các bài học trong sách không chỉ chú trọng hướng dẫn HS đọc hiểu theo thể loại mà còn chú ý hướng dẫn HS đọc VB theo chủ điểm. Chín bài học là chín chủ điểm, được cô đọng trong nhan đề của bài học:

Tập một: *Tạo lập thế giới* (Thần thoại); *Sống cùng kí ức của cộng đồng* (Sử thi); *Giao cảm với thiên nhiên* (Thơ); *Những di sản văn hóa* (VB thông tin); *Nghệ thuật truyền thống* (Chèo/Tuồng).

Tập hai: *Nâng niu kỉ niệm* (Thơ); *Anh hùng và nghệ sĩ* (VB nghị luận – Tác giả Nguyễn Trãi); *Đất nước và con người* (Truyện), *Khát vọng độc lập và tự do* (VB nghị luận).

Cách tổ chức cấu trúc từng bài học và hệ thống bài học theo tinh thần trên tạo cơ hội tích hợp kĩ năng đọc theo chủ điểm với đọc theo thể loại; giúp cho bài học sinh động, uyển chuyển hấp dẫn hơn, và cũng giúp HS thực hiện các YCCĐ về đọc hiểu hình thức VB, đọc hiểu nội dung VB, liên hệ, kết nối, so sánh,... trong đọc hiểu VB được thuận tiện, tự nhiên hơn.

## **8.3. Coi trọng tích hợp thực hành tiếng Việt với đọc hiểu văn bản và rèn kĩ năng nghĩ nhanh, viết nhanh cho HS trong tạo lập văn bản.**

Với *Thực hành tiếng Việt*, ngoài việc đáp ứng nội dung kiến thức phát triển năng lực tiếng Việt cho HS theo yêu cầu của chương trình, sách còn chủ trọng việc giúp HS thực hành đọc hiểu VB tốt hơn (nhờ việc nhận biết các hiện tượng tiếng Việt đáng chú ý xuất hiện trong VB đọc); mỗi bài học đều có bài tập yêu cầu HS thực hành cách nghĩ nhanh, viết nhanh khi thực hành một đoạn văn ngắn (mục *Từ đọc đến viết*).

#### **8.4. Hướng dẫn khá tì mỉ về cách viết, thao tác thực hành viết theo quy trình (với 4 bước cơ bản)**

Để làm được điều này, sách đặc biệt coi trọng việc trang bị cho HS tri thức nền về kiểu bài, sử dụng hiệu quả *Ngữ liệu đọc tham khảo* để HS học cách viết (bố cục dàn ý và nói chung cách tổ chức bài viết, cách sắp xếp, triển khai luận điểm qua lí lẽ với bằng chứng,...). Việc thực hành viết theo quy trình thường được triển khai từ một đề bài có tính mở và dựa trên tri thức nền, ngữ liệu đọc tham khảo. Sách hướng dẫn HS khá tì mỉ từng bước thực hành viết theo quy trình (1. *Chuẩn bị viết*; 2. *Tìm ý lập dàn ý*; 3. *Viết bài*; 4. *Xem lại và chỉnh sửa*); ở bước cuối, sách cung cấp một bảng kiểm, để HS tự kiểm tra kĩ năng theo các tiêu chí viết kiểu bài. Cách triển khai bài dạy – học viết như vậy góp phần đổi mới cách dạy học viết, phát triển các kĩ năng viết cho HS một cách hiệu quả so với cách dạy viết truyền thống.

#### **8.5. Tích hợp, tạo sự kết nối tự nhiên giữa Viết, Nói và nghe.**

Sách tận dụng kết quả thực hành viết theo quy trình để dạy nói và nghe theo quy trình. Và cũng như với dạy – học viết, việc dạy – học nói và nghe cũng được hướng dẫn tì mỉ các thao tác thực hành theo quy trình, kèm theo bảng kiểm kĩ năng. Quy trình ba bước tuy khái quát nhưng việc hướng dẫn thao tác thực hiện cũng khá tì mỉ.

#### **8.6. Sách chú trọng đúng mức đến việc ôn tập kĩ năng trong bài học và hướng dẫn học sinh đọc rộng.**

Cuối mỗi bài, mỗi học kì sách đều có hệ thống câu hỏi ôn tập; chú ý hướng dẫn nhắc nhở HS thực hiện các yêu cầu đọc mở rộng theo thể loại mà Chương trình Ngữ văn 10 đã nêu (nhưng lại rất dễ bị bỏ quên), như:

- “Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 VB văn học (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học.”
- “Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 VB nghị luận (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các VB đã học.”
- “Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 VB thông tin (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu VB và độ dài tương đương với các VB đã học.”

# **PHẦN II: CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10**

## **1. MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP**

\* Quán triệt được tinh thần *Chuẩn mực, Khoa học, Hiện đại*, sách *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* được biên soạn nhằm giúp các HS lớp 10 có thiên hướng về văn chương, Khoa học Xã hội và Nhân văn đáp ứng tốt các YCCĐ của Chương trình Ngữ văn 2018. Cụ thể là:

– Khi hoàn thành chuyên đề 1, chuyên đề 3, HS sẽ bước đầu biết thực hiện một số thao tác nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian; biết nhận xét, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

– Khi hoàn thành chuyên đề 2, HS có thể tự tin tham gia các hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học cùng bạn bè.

\* Về quan điểm biên soạn, nhóm tác giả đặc biệt lưu ý:

– Bám sát mục tiêu môn học đồng thời tạo cơ hội cho HS có thiên hướng theo học các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn có được sự chuẩn bị cần thiết: có những nội dung học tập phân hoá và định hướng nghề nghiệp một cách thiết thực.

– Chú trọng việc hình thành, phát triển năng lực và các phẩm chất cơ bản dựa trên các yêu cầu nâng cao kỹ năng đọc, viết cũng như yêu cầu tập nghiên cứu, tập ứng dụng tổng hợp và sáng tạo.

– Kết nối linh hoạt, hiệu quả giữa việc thực hiện các chuyên đề học tập *Ngữ văn 10* (35 tiết) với dạy học đọc, viết, nói và nghe theo SGK *Ngữ văn 10* (105 tiết) trong năm học, tạo hiệu ứng cộng hưởng tích cực.

Chẳng hạn, kiến thức và kỹ năng *Viết báo cáo kết quả nghiên cứu* ở Bài 4 (học kì 1); kỹ năng *Viết VB nghị luận phân tích đánh giá tác phẩm văn học* được tích luỹ khi thực hành viết theo quy trình trong các bài 1, 3, 6, 8, ... được kết nối, tích hợp khi HS thực hiện Chuyên đề 1 và chuyên đề 3. Tương tự các bài tập đọc sáng tạo trong nhiều bài học trong SGK *Ngữ văn 10* được kết nối, tích hợp khi HS thực hiện chuyên đề 2.

## **2. ĐẶC ĐIỂM CẤU TRÚC SÁCH, CẤU TRÚC BÀI HỌC CHUYÊN ĐỀ**

### **2.1. Về cấu trúc sách**

Bộ sách bám sát hệ thống YCCĐ (mục tiêu) dạy học mà Chương trình Ngữ văn 2018 đặt ra đối với các chuyên đề học tập *Ngữ văn 10*. Sau *Lời nói đầu*, sách trình bày ba chuyên đề thiết kế thành ba bài học, thực hiện trong 33 tuần (trung bình mỗi tuần 01 tiết):

- Chuyên đề 1: TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VĂN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN (trong Chương trình Ngữ văn 2018 ghi kí hiệu: 10.1)
- Chuyên đề 2: SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC (trong Chương trình Ngữ văn 2018 ghi kí hiệu: 10.2)
- Chuyên đề 3: ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN, HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT (trong Chương trình Ngữ văn 2018 ghi kí hiệu: 10.3)

## 2.2. Về cấu bài học – chuyên đề

Tùy theo yêu cầu cụ thể về nội dung phương pháp dạy học, mỗi chuyên đề học tập được tổ chức thành hai hoặc ba phần lớn. Có thể hình dung cấu trúc nội dung – YCCĐ ba chuyên đề theo các ma trận sau:

**MA TRẬN CHUYÊN ĐỀ 1**

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)
<b>Phân thứ nhất: Tập nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian</b> Hướng dẫn tìm hiểu • Cách thức nghiên cứu • Quy trình thực hiện nghiên cứu (và mục bài tập thực hành)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu ... [1]</li> <li>– Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu... [2]</li> </ul>
<b>Phân thứ hai: Viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian</b> Gồm 2 nội dung: • Viết báo cáo • Thuyết trình	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết viết một báo cáo nghiên cứu. [3]</li> <li>– Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để viết ... [4]</li> <li>– Biết thuyết trình một vấn đề ... [5]</li> </ul>

**MA TRẬN CHUYÊN ĐỀ 2**

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)
<b>Phân I: Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học</b> (4 mục chính) I. Từ tác phẩm văn học đến kịch bản sân khấu II. Trải nghiệm vở diễn ...	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu sân khấu hoá[1]</li> <li>– Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong VB văn học và ngôn ngữ trong VB sân khấu. [2]</li> </ul>
<b>Phân thứ hai: Tổ chức xây dựng kịch bản và tập diễn xuất</b> (3 mục chính) I. So sánh VB truyền và kịch bản chuyển thể II. Quy trình xây dựng kịch bản sân khấu hoá và tập diễn xuất III. Thực hành xây dựng kịch bản và tập diễn xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết cách tiến hành sân khấu hoá [3a]</li> <li>– Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn. [4]</li> </ul>

Phần III: Quy trình tổ chức hoạt động sân khấu hoá (3 mục chính)	- Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học. [3b]
--	---

### MÃ TRẬN CHUYÊN ĐỀ 3

Nội dung dạy – học	Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)
<b>Phần I: Cách đọc một tập thơ, tập truyện ngắn hay một tiểu thuyết</b> Gồm 3 mục chính	- Biết cách đọc [1]
<b>Phần II: Viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hay một tiểu thuyết</b> Gồm 3 mục chính	- Biết cách viết bài giới thiệu [2]
<b>Phần III: Trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hay tiểu thuyết</b> Gồm 3 mục chính	- Biết cách trình bày, giới thiệu [3]

Các phần được liên kết với nhau và khi cần, sử dụng các ngữ liệu VB tiêu biểu, phù hợp để dẫn dắt theo phương pháp quy nạp giúp HS tự hình thành củng cố các tri thức, kỹ năng theo YCCĐ. Xem danh mục dưới đây:

#### DANH MỤC NGỮ LIỆU SỬ DỤNG TRONG BA CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

TT	Các ngữ liệu văn bản	Chuyên đề	Trang
1	Về đặc điểm của tục ngữ Việt Nam (theo Vũ Ngọc Phan)	1	7 – 11
2	PGS. Chu Xuân Diên: Văn học dân gian không có bản chính thức duy nhất (phỏng vấn, trích, do PV báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện)	1	19 – 20
3	Phiếu ghi chép trải nghiệm thực tiễn một buổi kể chuyện của người Khmer (theo Huỳnh Vũ Lam)	1	21 – 24
4	Tìm hiểu phương thức biểu đạt trong câu đố và hát đố dân gian về tự nhiên của các dân tộc miền núi phía Bắc (theo Trần Mạnh Tiến)	1	30 – 34
5	Hồn Trương Ba, da hàng thịt (tóm tắt truyện cổ tích, theo Nguyễn Đăng Chi)	2	43
6	Hồn Trương Ba, da hàng thịt (trích, kịch, Lưu Quang Vũ)	2	43 – 49
7	Hồn Trương Ba, da hàng thịt (vở diễn do Điện ảnh Công an nhân dân thực hiện [ <a href="https://vtv.vn/video/hon-truong-ba-da-hang-thit-474453.htm">https://vtv.vn/video/hon-truong-ba-da-hang-thit-474453.htm</a> ])	2	50 – 51
8	Chuyện người con gái Nam Xương (trích, Nguyễn Dữ)	2	55 – 57

9	<i>Người con gái Nam Xương (Nhóm tác giả)</i>	2	59 – 64
10	<i>Thói quen và kỹ năng đọc sách (trích, Mortimer J Adler (Mo-tơ-mơ A-đơ-lơ); Charles Van Doren (Cha-xơ Ven Đo-rân), Hải Nhị dịch</i>	3	74 – 76
11	<i>Gieo trong bóng tối và dịch chuyển về ánh sáng (Lời giới thiệu tập thơ song ngữ “Những hạt giống của đêm và ngày” của Mai Văn Phấn, Susan Blanshard (Su-sân Bờ-len-hát), bản dịch tiếng Việt của Lê Đình Nhất-Lang)</i>	3	90 – 91
12	<i>“Lá cờ thêu sáu chữ vàng” bi tráng chân dung người anh hùng tuổi nhỏ nước Đại Việt (Hoàng Thảo, báo Tuổi trẻ)</i>	3	91 – 93

Với chuyên đề 1 và chuyên đề 3, các nhiệm vụ học tập được xây dựng theo nguyên tắc giúp HS hiểu thông qua thực hành đọc phân tích ngữ liệu để nắm được thao tác, quy trình (tập nghiên cứu, viết, thuyết trình). Với chuyên đề 2, các nhiệm vụ học tập được xây dựng theo nguyên tắc giúp HS “tập”, “làm” từ dễ đến khó để hiểu và “thực hành” được đúng thao tác, quy trình.

Theo hướng này, sách đã thiết kế nhiệm vụ/ hoạt động học tập chuyên đề 1 dưới dạng *Sơ đồ; Quy trình nghiên cứu; Quy trình viết bài báo cáo; Bài tập thao tác; các mẫu Phiếu thông tin, Phiếu hỏi chuyên gia; Phiếu ghi chép trải nghiệm; Hệ thống câu hỏi, bài tập và Bảng kiểm; ...* Ở chuyên đề 3, dưới dạng các *Phiếu ghi chép về các bài trong tập thơ; Phiếu ghi chép tổng hợp về tập truyện, về cuốn tiểu thuyết; ...* Xem các bảng tổng hợp dưới đây:

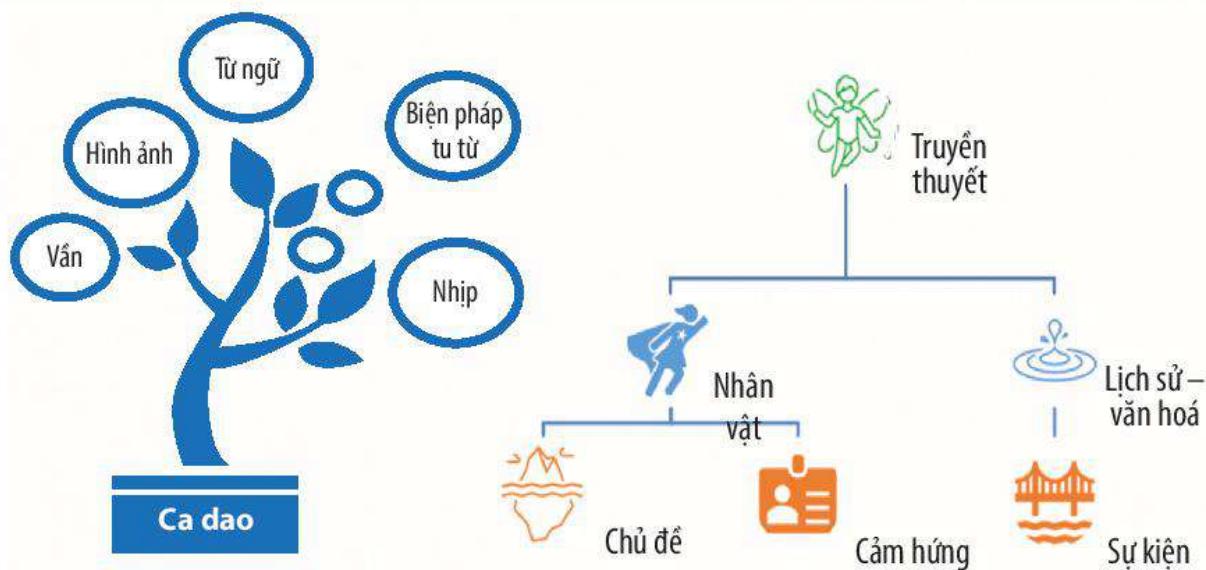
#### **HỆ THỐNG BIỂU BẢNG VÀ BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ 1**

TT	Tên biểu bảng, bài tập chuyên đề 1	Trang
1	Sơ đồ các yếu tố hình thức của ca dao; các yếu tố nội dung của truyền thuyết	13
2	Tóm lược quy trình nghiên cứu	27
3	Tóm lược quy trình viết báo cáo	39
4	Bài tập thao tác	15-16
5	Mẫu Phiếu thông tin, Phiếu hỏi chuyên gia	18-20
6	Mẫu Phiếu ghi chép trải nghiệm	25
7	Bảng kiểm	27
8	Bài tập thiết kế dạng biểu bảng	29
9	Yếu tố thần kì	37

### HỆ THỐNG BIỂU BẢNG VÀ BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ 3

TT	Tên biểu bảng, bài tập chuyên đề 3	Trang
1	Phiếu ghi chép về các bài trong tập thơ	81
2	Phiếu ghi chép tổng hợp về tập truyện	86
3	Phiếu ghi chép khi đọc tiểu thuyết	87
4	Bài tập thao tác	88
5	Bài tập thao tác	88 – 89

Ví dụ 1: Sơ đồ trực quan hoá một số yếu tố hình thức của ca dao và một số yếu tố của truyện thuyết.



Ví dụ 2: Bài tập thực hành xác định mục đích nghiên cứu khi sau khi đã xác định vấn đề nghiên cứu (*Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, tr.15)

Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu	Mục đích nghiên cứu
1) Về một đặc điểm hình thức của tục ngữ: cách gieo vần.	Tìm hiểu hình thức của tục ngữ qua cách gieo vần.
2) Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát dân gian than thân.	
3) Hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> .	Giải thích nguyên nhân tạo hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trong truyện dân gian – qua trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> .

4) Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.	
5) Cách nói ngược trong bài ca dao/ đồng dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chán...</i>	Tìm hiểu tác dụng của hình thức nói ngược đối với nội dung trong bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chán...</i>

Bạn hãy tiếp tục xác định mục tiêu nghiên cứu cho các đề tài còn thiếu trong bảng trên đây.

Ví dụ 3: Bài tập thực hành xác định câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu sau khi đã xác định vấn đề nghiên cứu (*Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, tr.16)

### Xác định vấn đề, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu

Đề tài đã xác định vấn đề nghiên cứu	Câu hỏi nghiên cứu	Giả thuyết nghiên cứu
1) Về một đặc điểm hình thức của tục ngữ: cách gieo vần.	Cách gieo vần có ảnh hưởng đến ý nghĩa và cách sử dụng của tục ngữ hay không?	Cách gieo vần có ảnh hưởng đến ý nghĩa và cách sử dụng của tục ngữ.
2) Nghệ thuật so sánh, ví von trong những câu hát dân gian than thân.	..... ..... .....	..... ..... .....
3) Hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá – trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> .	Vì sao có hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá – trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> ?	Diễn xướng lễ hội và việc ghi chép thần tích trong đền miếu là nguyên nhân của hiện tượng truyền thuyết hoá/ thần thoại hoá trường hợp <i>Sơn Tinh, Thuỷ Tinh</i> .
4) Cái kết có hậu trong truyện cổ tích thần kì.	..... ..... .....	..... ..... .....
5) Cách nói ngược trong bài ca dao/ đồng dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chán...</i>	Cách nói ngược có ảnh hưởng thế nào đến nội dung bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chán...?</i>	Cách nói ngược vừa tạo hiệu ứng về hình thức vừa nhấn mạnh về nội dung của bài ca dao <i>Sang tuần tháng Sáu giá chán...</i>

Tham khảo vấn đề, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu ở các ví dụ 1, 3, 5 trong bảng trên, bạn hãy xác định câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu cho các vấn đề 2, 4.

Còn với chuyên đề 2, sách thiết kế các biểu bảng và một hệ thống bài tập chọn lọc trong thực hành soạn kịch bản và thực hành thao tác diễn xuất. Xem bảng dưới đây:

### HỆ THỐNG BIỂU BẢNG VÀ BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ 2

TT	Tên biểu bảng, bài tập chuyên đề 2	Trang
1	Bài tập thao tác soạn kịch bản (4 bài)	66 – 69
2	Bảng kiểm kĩ năng lập dàn ý cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học	66
3	Bảng kiểm kĩ năng viết lời thoại và chú thích nghệ thuật cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học	69
4	Bài tập thao tác tập diễn xuất (4 bài)	70
5	Mẫu Bản kế hoạch	71
6	Mẫu Phiếu đánh giá	73

Ví dụ: mẫu *Bảng kiểm kĩ năng viết lời thoại và chú thích nghệ thuật* cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học (*Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*, tr.70)

Thông tin và ý tưởng	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
<i>Chú thích nghệ thuật về cách trình bày sân khấu và diễn xuất</i>	Tên màn kịch (dự kiến).		
	Bối cảnh không gian, thời gian.		
	Nhân vật, nhóm nhân vật sẽ xuất hiện.		
	Gợi ý về hành vi, giọng nói, sắc thái biểu cảm với các lời thoại/ lượt thoại.		
<i>Lời thoại của nhân vật</i>	Sự rõ ràng, ngắn gọn, đích đáng.		
	Tính đối thoại và tác động (đối với nhân vật đồng quan điểm hoặc khác quan điểm).		
	Tính khẩu ngữ/ phù hợp để trình diễn.		
	Tính biểu cảm/ biểu đạt (thể hiện phù hợp với tính cách, tâm lí, trạng thái cảm xúc,... của nhân vật).		
Kết hợp độc thoại, đối thoại, bàng thoại khi cần.			

### 3. MỘT SỐ LƯU Ý CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Chuyên đề học tập trước đây hầu như chủ yếu thực hiện trong các trường chuyên, lớp chọn. Nay chuyên đề học tập là nội dung học tập bắt buộc đối với HS ở tất cả các trường THPT (“bắt buộc” ở đây là bắt buộc theo thiên hướng lựa chọn nghề nghiệp chuyên môn của người học để theo học trường hoặc học lên bậc đại học, sau đại học). Do vậy, khi tổ chức thực hiện các chuyên đề học tập, GV cần lưu ý một số điểm dưới đây:

**Thứ nhất:** Hướng dẫn HS thực hiện các YCCĐ có tính nâng cao đối với các hoạt động *đọc, viết, thuyết trình, nhận xét phản biện*,... trong các chuyên đề học tập. Cũng là đọc, viết, nói và nghe, nhưng không phải là sự “nối dài” các hoạt động đọc, viết, nói và nghe thông thường như khi học tập các bài trong SGK.

*Đọc* ở trong chuyên đề học tập là đọc sâu, đọc kỹ, đọc có tính nghiên cứu nhằm phát hiện, khai quát vấn đề trong nghiên cứu, sáng tạo. Chẳng hạn, khi HS đọc ngữ liệu tham khảo về đặc điểm nội dung, hình thức tục ngữ Việt Nam của nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan, cần lưu ý HS: không phải chỉ để biết cách đọc một trích đoạn theo thể loại mà quan trọng là phải rút ra được cách thức mà nhà nghiên cứu đã thực hiện công việc nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian như thế nào (ví dụ: ông đã đặt ra câu hỏi nghiên cứu gì, đã xem xét đối tượng trên những phương diện nào, đã thực hiện các thao tác gì,... để có được các nhận định kết luận trong bài nghiên cứu của mình).

*Viết* trong chuyên đề học tập, không phải là viết một đoạn, một bài văn theo đề bài cho sẵn mà là viết báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề cụ thể do mình tìm tòi phát hiện, là viết bài giới thiệu về một tập truyện, tập thơ hay về một tác phẩm văn học “cỡ lớn”, là tập soạn một màn kịch chuyển thể có tính sáng tạo từ tác phẩm văn,... Tất cả đều đòi hỏi ở học sinh có kỹ năng phối hợp nhiều khâu, nhiều thao tác phức tạp trong quy trình viết.

Hoạt động *nói và nghe* cũng vậy. Nói ở đây là thực hiện bài thuyết trình hoàn chỉnh, có quy mô về một vấn đề/ đề tài khoa học; nghe ở đây là nắm bắt nội dung luận điểm khoa học, nghe và đưa ra nhận xét, phản biện, góp ý xác đáng,... Đó cũng đều là những nhiệm vụ học tập có tính nâng cao rõ rệt về YCCĐ so với nói và nghe trong các bài học theo SGK.

**Thứ hai:** tổ chức cho HS luyện tập các bài tập thực hành từ dễ đến khó, từ cụ thể đến khái quát, từ đơn giản đến phức tạp. Chẳng hạn với chuyên đề 1 và 3, cần hướng dẫn HS thực hành thao tác trước khi thực hành tổng hợp:

- Thực hành tìm kiếm vấn đề, xác định đề tài.
- Thực hành thu thập, xử lý tư liệu .
- Thực hành lập danh mục tham khảo, các biểu mẫu, các phiếu hỏi.
- Thực hành trải nghiệm thực tế, ghi chép, phỏng vấn chuyên gia,...

Với chuyên đề 2, sân khấu hóa tác phẩm văn học, các bài tập cần được thực hiện từ dễ đến khó, từ thao tác công đoạn đến tổng hợp, tổng thể. Đối với hoạt động tập soạn kịch bản:

- Lập dàn ý/ đề cương việc chuyển thể tác phẩm đã học (Bài tập 1).
- Tập viết lời chú thích nghệ thuật và tự đánh giá theo bảng kiểm (Bài tập 2 và 3).
- Soạn kịch bản theo đề cương và tự đánh giá bằng bảng kiểm (Bài tập 4).

Đối với hoạt động tập diễn xuất:

- Tập chuyển đổi diễn cảm thành nói biểu cảm (Bài tập 1).
- Tập biểu cảm lời đoi thoại, độc thoại (Bài tập 2).
- Diễn xuất vào vai các cặp nhân vật biểu cảm một số đoạn thoại, cuộc thoại (Bài tập 3).
- Tập tổ chức đạo diễn và diễn xuất một màn kịch (trích) (Bài tập 4).

**Thứ ba:** Trên lớp, cần phát huy vai trò hướng dẫn, năng lực thị phạm (khi cần) của GV. GV cần dành thời gian hướng dẫn cẩn kẽ, quan tâm đúng mức đến từng nhóm đối tượng HS, tạo nhiều cơ hội cho HS thực hành đọc mở rộng, viết ứng dụng và thực hành các thao tác tập nghiên cứu, tập viết báo cáo, tập viết kịch bản, tập thuyết trình, tập diễn xuất, tập phản biện/ tương tác nói và nghe,... HS dĩ nhiên không có cách nào khác là phải tích cực, chủ động trong thực hành.

Tuy nhiên, không nên nhân danh yêu cầu hay nguyên tắc “thực hành” mà giao khoán hẳn các đề tài, nhiệm vụ học tập cho HS về nhà tự mày mò thực hiện; trái lại, bài học chuyên đề trên lớp cần thể hiện rõ vai trò và hoạt động của cả GV lẫn HS. Trước và trong khi HS làm việc, GV cần theo sát kịp thời đưa ra những hướng dẫn, hỗ trợ một cách cụ thể, rành mạch về các thao tác hay quy trình thực hiện. Càng không nên biến tiết học chuyên đề thành các tiết để để một số HS hay một vài nhóm HS trình bày, trình diễn sản phẩm/ kết quả làm việc tự phát (“tự biên, tự diễn”) của mình.

**Thứ tư:** Các hoạt động thực hành trong học tập chuyên đề đều là các hoạt động có tính chuyên môn, phức tạp. Vì thế, không thể kì vọng đặt ra yêu cầu nhiệm vụ quá cao vượt lên trên mức “tập…”, “biết…”, “bước đầu…” đối với số đông HS trong lớp.

**Thứ năm:** Về đánh giá kết quả học tập, với phần lớn các nội dung trọng tâm trong từng chuyên đề, SGV đều có đưa ra mẫu bảng kiểm để không chỉ GV mà cả HS cũng có cơ hội đánh giá và tự đánh giá kỹ năng sản phẩm của bạn hay của mình. Tuy vậy, như đã nói, cần lưu ý ở mức chính là “tập…”, “biết…”, “bước đầu…” đối với số đông HS trong lớp.

**Thứ sáu:** Về thời gian, bài học các chuyên đề học tập đều được thiết kế nhằm triển khai thực hiện trong nhiều tuần: thời gian ấy đủ dài để ngâm và thẩm các tri thức, miễn là GV lên được kế hoạch dạy học khá cụ thể hợp với thực tế, đối tượng HS. Về thời khoá biểu, tùy tình hình kế hoạch của mỗi trường, thầy cô trong tổ cần thống nhất đăng ký lịch dạy học từng chuyên đề sao cho phù hợp. Chẳng hạn, nếu không tiện rái đều mỗi tiết một tuần, có thể dồn hai, ba tiết vào một buổi để cứ hai, ba tuần dành một buổi dạy học chuyên đề.

## 4. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO VIÊN VÀ NHỮNG LƯU Ý TRONG VIỆC SỬ DỤNG SÁCH

### 4.1. Cấu trúc sách giáo viên

Sách giáo viên *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10* được thiết kế gồm các phần chính:

Phần thứ nhất: Mấy lưu ý chung về nội dung, phương pháp dạy học *Chuyên đề học tập ngữ văn 10*

Phần thứ hai: Hướng dẫn dạy học các chuyên đề

Chuyên đề 10.1

Chuyên đề 10.2

Chuyên đề 10.3

### 4.2. Lưu ý trong cách sử dụng sách

Nghiên cứu kỹ ma trận YCCĐ trong sự đổi chiều với hệ thống nội dung lí thuyết và thực hành tương ứng.

Coi trọng và tạo điều kiện cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập, đặc biệt là yêu cầu vận dụng thực hành.

Tích hợp thực hành đọc VB, tập nghiên cứu với viết báo cáo, soạn kịch bản, viết bài giới thiệu và thuyết trình/ diễn xuất,...; tích hợp nhiệm vụ học tập chuyên đề với nhiệm vụ học các bài học trong SGK *Ngữ văn 10*.

## **5. ƯU ĐIỂM VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP TRONG BỘ SÁCH**

Có thể khẳng định tính khả thi và một số ưu điểm của bộ tài liệu dạy học chuyên đề học tập này như sau:

### **5.1. Tính mục đích, hiệu quả của dạy học trong sách Chuyên đề học tập Ngữ văn 10, bộ Chân trời sáng tạo được xác định rất rõ ràng.**

Đúng như đã xác định trong lời nói đầu:

– Hoàn thành chuyên đề 1, chuyên đề 3, HS sẽ bước đầu biết thực hiện một số thao tác nghiên cứu và viết được một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian; biết nhận xét, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết.

– Hoàn thành chuyên đề 2, HS có thể tự tin tham gia các hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học cùng bạn bè.

– Điều bất ngờ, thú vị là sau khi hoàn thành các chuyên đề, HS sẽ nhận ra rằng, việc sân khấu hoá một tác phẩm, nghiên cứu một vấn đề, giới thiệu một tập tác phẩm văn học,... hoá ra, không quá khó như nhiều người vẫn nghĩ.

### **5.2. Các chuyên đề được kết nối hợp lý, đúng hướng với hệ thống nội dung liên quan trong các bài học ở Sách giáo khoa Ngữ văn 10.**

Ví dụ việc tập viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian được kết nối với nhiệm vụ học tập phần viết trong bài 4. Viết báo cáo kết quả nghiên cứu; việc tập đọc, viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết được kết nối với việc nội dung đọc hiểu và nội dung viết về chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học ở các bài 1, 3, 6, 8.

### **5.3. Sách dạy học chuyên đề theo nguyên tắc thực hành, đặc biệt coi trọng tính thực tiễn, vừa sức của các nhiệm vụ học tập trong từng chuyên đề.**

Hệ thống bài tập thực hành được xây theo hai cấp độ: (1) thực hành thao tác; (2) thực hành tổng hợp. Ví dụ: Để HS có kỹ năng viết kịch bản sân khấu hoá, hệ thống thao tác sẽ bắt đầu từ tìm ý tưởng cho kịch bản; tập viết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu; rồi từ đó mới tập viết một màn, một cảnh kịch bản sân khấu hoá. Cũng vậy, để hình thành ở HS kỹ năng diễn xuất, bài tập ban đầu là tập đọc diễn cảm lời thoại trong một cuộc thoại có kết hợp với biểu đạt bằng ngôn ngữ thân thể, sau đó với tập vào vai, tập diễn xuất theo cặp, rồi tập diễn xuất theo cảnh, theo màn...

---

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn  
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn  
trong cuốn sách này.*

---

***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

***Chịu trách nhiệm nội dung:***

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

***Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:***

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty CPDV XBGD Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

*Biên tập nội dung:* VÕ THỊ PHÚC HỒNG

*Biên tập mĩ thuật:* PHẠM HOÀI THƯƠNG

*Thiết kế sách:* NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

*Trình bày bìa:* THÁI HỮU DƯƠNG

*Sửa bản in:* VÕ THỊ PHÚC HỒNG

*Chép bản:* CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

***Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:***

– Sách điện tử: [nxbgd.vn/sachdientu](http://nxbgd.vn/sachdientu)

– Tập huấn online: [nxbgd.vn/taphuan](http://nxbgd.vn/taphuan)

---

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

---

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

---

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN –  
MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 – BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

**Mã số:**

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN:

# TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU



Sách không bán